



CÔNG BÁO

Số 9 + 10

Ngày 22 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14/04/2026	Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi	3
14/04/2026	Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	15
17/04/2026	Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	18
19/04/2026	Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	26
20/04/2026	Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	39
22/04/2026	Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	94
22/04/2026	Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn	105

tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16/04/2026	Quyết định số 30/2026/QĐ-CTUBND về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi	109
------------	---	-----

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 69/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 71/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 172/TTr-SXD ngày 13 tháng 11 năm 2025 và văn bản số 993/SXD-ATGT ngày 11 tháng 2 năm 2026; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 183/BC-STP ngày 04 tháng 11 năm 2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường thủy nội địa trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm trong việc phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phạm vi điều chỉnh không bao gồm việc quản lý công trình hàng hải, đường thủy nội địa và công trình khác được xây dựng, bố trí trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật về đường thủy nội địa, làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại cảng, bến, trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại thuộc tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé).

2. Đơn vị quản lý, khai thác cảng, bến, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách trên các tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

Điều 3. Mục đích của hoạt động phối hợp

Phối hợp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển ổn định, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về hàng hải và đường thủy nội địa, góp phần hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp trên cơ sở quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, chặt chẽ, thống

nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với các hành vi vi phạm.

2. Công tác phối hợp được thực hiện theo đúng quy trình nghiệp vụ chuyên môn, nguyên tắc làm việc, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng. Quá trình phối hợp thực hiện trách nhiệm không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mỗi cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng và của đơn vị quản lý, khai thác cảng, bến, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách trên các tuyến.

3. Một nhiệm vụ, một công việc chỉ do một cơ quan chủ trì thực hiện, quyết định theo thẩm quyền. Các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng khác tham gia phối hợp.

4. Trong quá trình phối hợp thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng. Trường hợp chưa thống nhất trong cách giải quyết, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, báo cáo, đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Phối hợp bằng văn bản.
2. Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ, tổng kết.
3. Tổ chức thành lập Đoàn kiểm tra, điều tra, khảo sát.
4. Các hình thức khác theo quy định.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Công tác phối hợp thường xuyên:

- Các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng có trách nhiệm cử người làm đầu mỗi khi phối hợp trao đổi thông tin, tài liệu, số liệu, tổ chức cuộc họp, chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát, phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoặc các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể khác có liên quan trong phạm vi quy định tại Điều 1 Quy chế này do Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị phân công. Đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền của người được giao làm đầu mỗi liên lạc phải báo cáo với lãnh đạo cơ quan, đơn vị để được chỉ đạo thực hiện.

- Giao Sở Xây dựng chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc tổ chức phối hợp thường xuyên.

2. Công tác phối hợp đột xuất:

- Cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng có thẩm quyền theo quy định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra theo các chuyên đề, kế hoạch đã xây dựng hoặc theo yêu cầu thực tế của địa phương. Giao cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành chủ trì làm Trưởng đoàn và các thành viên là cơ quan phối hợp.

Các thành viên Đoàn liên ngành chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra theo lĩnh vực cơ quan mình có chức năng, nhiệm vụ quản lý.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến vi phạm trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé, nếu xét thấy vi phạm đó thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này thì thông báo cho cơ quan, đơn vị đó kiểm tra, xử lý hoặc chủ trì thành lập đoàn kiểm tra liên ngành xác minh thông tin để xử lý kịp thời.

Các sai phạm vượt thẩm quyền; vượt quá mức, khung quy định hoặc chưa có sự thống nhất xử lý của các thành viên trong Đoàn thì Trưởng Đoàn kiểm tra liên ngành hoặc thành viên tham gia Đoàn kiểm tra có trách nhiệm phải báo cáo ngay cho các cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 7. Trách nhiệm của quản lý, tổ chức hoạt động vận tải trên tuyến đường thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn và tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé

1. Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi

Chủ trì, trực tiếp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động vận tải trên tuyến đường thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn theo quy định của pháp luật về hàng hải, có trách nhiệm thực hiện:

a) Xây dựng, ban hành các kế hoạch phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tổ chức vận tải trên tuyến vận tải đường thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn hàng năm, vào các dịp Lễ, Tết để phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân và du khách.

b) Quyết định điều động tàu tăng chuyến để giải tỏa khách trong trường hợp số lượng hành khách tăng đột biến.

c) Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ, tổng kết giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn để trao đổi thống nhất, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong tổ chức, quản lý hoạt động vận tải trên tuyến;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an ninh, an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trên luồng tuyến và trong vùng nước cảng biển thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát về điều kiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với cảng và phương tiện hoạt động vận tải trên tuyến Sa Kỳ- Lý Sơn.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì, trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động vận tải trên tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa; là cơ quan phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về vận tải ở địa phương theo quy định của pháp luật về hàng hải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, cụ thể:

a) Xây dựng, ban hành các kế hoạch phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tổ chức vận tải hàng năm, vào các dịp lễ, tết để phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân và du khách trên tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải đường thủy nội địa trên tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

c) Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ, tổng kết giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách trên tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé để trao đổi thống nhất, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong tổ chức, quản lý hoạt động vận tải trên tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông đường thủy nội địa, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định pháp luật.

đ) Kiểm tra, giám sát về điều kiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với cảng và phương tiện hoạt động vận tải trên tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

3. Trách nhiệm của Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải thủy nội địa và người tham gia giao thông trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé chấp hành quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

4. Trách nhiệm của Công an tỉnh Quảng Ngãi

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải thủy nội địa và người tham gia giao thông trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé và ngược lại trong việc chấp hành quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn

Phối hợp, tham gia thực hiện các nội dung sau:

a) Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Sở Xây dựng quản lý nhà nước về vận tải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc lập thủ tục đăng ký kinh doanh vận tải đường thủy nội địa theo quy định.

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải thủy nội địa và người tham gia giao thông tại địa phương chấp hành quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

Điều 8. Trách nhiệm trong quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn và tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé

1. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi

a) Chủ trì tổ chức thực hiện cấp phép cho phương tiện ra, vào cảng, bến trên tuyến đường thủy từ bờ ra đảo Sa Kỳ - Lý Sơn đúng quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (*được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 69/2022/NĐ-CP, số 74/2023/NĐ-CP và 34/2025/NĐ-CP*) thực hiện kiểm tra, giám sát và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến thủ tục cấp phép ra vào cảng, bến và vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người điều khiển phương tiện, xếp dỡ hàng hóa, đón trả khách tại cảng, bến thủy nội địa được giao quản lý trong vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

b) Cung cấp các thông tin, thủ tục về thuyền viên và tàu hoạt động vận tải trên tuyến thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của cơ quan, lực lượng chức năng phối hợp tại cảng để quản lý, kiểm tra, giám sát theo quy định; đồng thời, công khai các thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn kê khai có liên quan để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

c) Phối hợp với Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nắm bắt các thông tin về tàu hoạt động vận tải trên tuyến thuộc phạm vi quản lý neo, đậu làm hàng tại cảng để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của người, tàu trong khu vực cảng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về niêm yết công khai thông tin thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé... cụ thể tại khu vực cảng, bến, quầy bán vé và Trang thông tin điện tử của Ban quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi trên tuyến thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát về điều kiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với cảng, hàng hải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chủ trì tổ chức thực hiện cấp phép cho phương tiện ra, vào cảng, bến trên tuyến đường thủy nội địa Đảo Lớn - Đảo Bé đúng quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội

địa (được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 54/2022/NĐ-CP và số 06/2024/NĐ-CP) thực hiện kiểm tra, giám sát và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến thủ tục cấp phép ra vào cảng, bến và vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người điều khiển phương tiện, xếp dỡ hàng hóa, đón trả khách tại cảng, bến thủy nội địa được giao quản lý trong vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

b) Cung cấp các thông tin, thủ tục về thuyền viên và tàu hoạt động vận tải trên tuyến thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của cơ quan, lực lượng chức năng phối hợp tại cảng để quản lý, kiểm tra, giám sát theo quy định; đồng thời, công khai các thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn kê khai có liên quan để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

c) Chỉ đạo Phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc phối hợp với Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nắm bắt các thông tin về tàu hoạt động vận tải trên tuyến thuộc phạm vi quản lý neo, đậu làm hàng tại cảng để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của người, tàu trong khu vực cảng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về niêm yết công khai thông tin thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé... cụ thể tại khu vực cảng, bến, quầy bán vé và Trang thông tin điện tử của Ban quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi trên tuyến thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát về điều kiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với cảng, bến thủy nội địa trên tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

3. Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chỉ đạo, bố trí lực lượng, các loại phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các biện pháp đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm, chống buôn lậu, gian lận thương mại; nắm bắt tình hình, đối tượng, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực cửa khẩu cảng và trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

b) Thực hiện nội dung, biện pháp kiểm tra, giám sát biên phòng theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng.

c) Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Sở Xây dựng trong việc giải quyết thủ tục hành chính cấp phép cho phương tiện ra, vào cảng biển, cảng, bến thủy nội địa trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định của pháp luật.

d) Khi phát hiện mất an ninh hàng hải; trật tự, an toàn giao thông phải thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi hoặc đơn vị có thẩm quyền trực thuộc Sở Xây dựng xử lý không cấp giấy phép cho tàu rời cảng.

Điều 9. Trách nhiệm trong quản lý về an toàn giao thông, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường; phòng cháy chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ

1. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các lực lượng nghiệp vụ Công an tỉnh; Công an xã Đông Sơn, đặc khu Lý Sơn thực hiện các biện pháp quản lý an ninh, trật tự khu vực xung quanh cảng biển, cảng, bến thủy nội địa trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội trên đường thủy; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên đường thủy theo quy định của pháp luật.

b) Phát hiện những bất cập trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và phương tiện hoạt động vận tải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải pháp khắc phục kịp thời.

c) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và phương tiện hoạt động vận tải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định.

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn các chủ cảng, bến: Xây dựng các quy định, quy trình thực hiện phòng cháy và chữa cháy trong quá trình xếp dỡ hàng hóa có nguy cơ gây cháy nổ và quy định, quy trình về phòng cháy, chữa cháy khi xảy ra cháy, nổ trong khu vực cảng, bến. Hướng dẫn thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy cho chủ phương tiện, thuyền viên, người điều khiển phương tiện.

d) Cơ quan công an khi nhận được thông tin xảy ra tai nạn trên đường thủy nội địa phải kịp thời triển khai lực lượng tham gia công tác tìm kiếm, cứu nạn; tiến hành điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực thuộc phạm vi quản lý đề tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện trong trường hợp khẩn cấp và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi cảng biển, bến thủy nội địa.

e) Thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh quy định.

2. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, lực lượng chức năng trong việc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội đối với hoạt động hàng hải, giao thông đường thủy nội địa trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé; đồng thời chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuần tra kiểm soát đối với các phương tiện thủy vận tải khách, hàng hóa hoạt động trên địa bàn tỉnh và từ các địa phương khác đến.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, lực lượng chức năng

giải quyết, xử lý các trường hợp, vụ việc gây mất an ninh, trật tự, an toàn giao thông trong khu vực cửa khẩu cảng trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm d, đ khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

3. Trách nhiệm phối hợp của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn

a) Phối hợp với lực lượng chức năng thực hiện các hoạt động an toàn giao thông, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường; phòng cháy chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại cảng thuộc phạm vi trên tuyến quản lý.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn thực hiện theo khoản 5 Điều 27 Nghị định 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn:

a) Tổ chức quán triệt nội dung Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, hoạt động nghề nghiệp về vận tải đường thủy; cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng, Công an nhân dân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình làm nhiệm vụ quản lý, kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong hoạt động vận tải đường thủy tại cảng, bến và trên tuyến vận tải Sa Kỳ - Lý Sơn, tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp thuộc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình theo Quy chế này.

2. Các sở, ban ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện nội dung Quy chế này.

Điều 11. Công tác báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, và Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để cùng nghiên cứu thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NQ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định trong lĩnh vực Nhà ở, Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 32/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: Số 20/TTr-

SXD ngày 16 tháng 01 năm 2026 và số 72/TTr-SXD ngày 12 tháng 3 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 310/BC-STP ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Công văn số 538/STP-XD&TDTHPL ngày 11 tháng 3 năm 2026; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc.

2. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển, quản lý, sử dụng, sở hữu nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Quy định chi tiết trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Người được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định này phải đáp ứng điều kiện:

a) Có quãng đường đi ngắn nhất từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc từ 30 km trở lên thì được mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Trường hợp người có từ 02 (hai) nhà ở thuộc sở hữu của mình trở lên thì phải xác định khoảng cách đến địa điểm làm việc đối với tất cả nhà ở đảm bảo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Việc xác định khoảng cách tại khoản 1 Điều này được đo trên Google Maps, tính theo lộ trình đường bộ, đường thủy ngắn nhất giữa các địa điểm.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra điều kiện được mua, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đăng ký thường trú thực hiện xác nhận khoảng cách quy định tại Điều 3 Quyết định này.

3. Chủ đầu tư dự án, công trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 3 Quyết định này trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký để lập danh sách người được mua, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2030.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu Lý Sơn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 31/2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 147/TTr-SNV ngày 18/3/2026; Công văn số 1391/SNV-NCC ngày 07/4/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 29/BC-STP ngày 28/01/2026 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2026.

2. Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ tỉnh Kon Tum được tiếp tục áp dụng tại Số thứ tự 46 Phụ lục kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Y Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ và mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chế độ báo cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm.

b) Các công trình ghi công liệt sĩ được xếp hạng di tích cấp tỉnh trở lên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 42 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

Điều 3. Nguyên tắc

1. Nghĩa trang liệt sĩ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

2. Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở trung tâm chính trị, văn hóa của tỉnh; trung tâm của xã, phường, đặc khu không có nghĩa trang liệt sĩ hoặc nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

3. Đền thờ liệt sĩ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 151 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

4. Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại các xã, phường, đặc khu không có nghĩa trang liệt sĩ.

5. Mộ liệt sĩ được thực hiện theo Khoản 5 Điều 151 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý Nhà nước công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo phân cấp trên địa bàn tỉnh.

Sở Nội vụ trực tiếp quản lý Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Quảng Ngãi tại xã Nghĩa Giang và Nghĩa trang liệt sĩ Kon Tum tại phường Đắc Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn (trừ các Nghĩa trang liệt sĩ do Sở Nội vụ trực tiếp quản lý). Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn cấp xã.

Điều 5. Nội dung quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Đối với nghĩa trang liệt sĩ

a) Lập sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, quản lý hồ sơ mộ liệt sĩ (*bao gồm thông tin mộ, vị trí mộ, biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ và các giấy tờ có liên quan đến phần mộ*), lập danh sách quản lý mộ trong nghĩa trang liệt sĩ theo Mẫu số 84 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP để lưu và gửi Sở Nội vụ theo dõi, quản lý.

b) Cập nhật thông tin trong danh sách quản lý mộ và báo cáo Sở Nội vụ đối với trường hợp hài cốt liệt sĩ di chuyển hoặc mới tiếp nhận.

c) Tổ chức lễ đón nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ do các cơ quan, đơn vị tìm kiếm, quy tập trong và ngoài nước bàn giao theo quy định; tiếp nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ từ nghĩa trang liệt sĩ tỉnh khác chuyển đến hoặc mộ đang quản lý tại gia đình theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Khi tiếp nhận và cải táng hài cốt liệt sĩ phải ghi rõ thông tin đơn vị quy tập hài cốt liệt sĩ hoặc người di chuyển hài cốt liệt sĩ và địa phương nơi quy tập hài cốt liệt sĩ hoặc nơi an táng hài cốt trước khi di chuyển, thời điểm tiếp nhận và các thông tin khác liên quan đến liệt sĩ.

đ) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc mộ liệt sĩ, khuôn viên vườn hoa, cây cảnh, hệ thống điện, nước và các hạng mục khác của nghĩa trang liệt sĩ bảo đảm xanh,

sạch đẹp và trang nghiêm. Trường hợp nghĩa trang liệt sĩ không có bộ phận quản lý nghĩa trang thì UBND cấp xã nơi quản lý nghĩa trang có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a, b Khoản này.

e) Phục vụ lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ; tổ chức đón tiếp, hướng dẫn thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ đến thăm viếng, dâng hương mộ liệt sĩ.

g) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho các thành viên, hội viên của tổ chức mình và các thế hệ trẻ; vận động nhận vệ sinh và chăm sóc các phần mộ liệt sĩ và khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ tạo cảnh quan sạch đẹp, trang nghiêm.

h) Phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và cấp xã, ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức dâng hương, dâng hoa tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn vào các dịp lễ, Tết.

2. Đối với đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ

a) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc các hạng mục của đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ đảm bảo xanh, sạch đẹp và trang nghiêm.

b) Phục vụ lễ viếng tại đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ; tổ chức đón tiếp, hướng dẫn các tổ chức và Nhân dân đến thăm viếng, dâng hương.

3. Mộ liệt sĩ

a) Mộ liệt sĩ phải được quản lý, sửa chữa, tu bổ, chăm sóc thường xuyên.

b) Mộ liệt sĩ trong cùng một nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng thống nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

c) Quy trình, thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ thực hiện theo quy định tại Điều 154 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Điều 6. Kinh phí đảm bảo cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì và quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Kinh phí quản lý, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ do ngân sách nhà nước đảm bảo được thực hiện theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước, đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ngoài ra, khuyến khích tổ chức, cá nhân và huy động các nguồn lực hợp pháp khác tham gia chăm sóc, giữ gìn công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ (không vì mục đích lợi nhuận).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Chủ trì, xây dựng kế hoạch kinh phí, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Chủ tịch UBND tỉnh các công trình liệt sĩ thuộc phạm vi quản lý cần cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP.

3. Định kỳ tổng hợp báo cáo của UBND cấp xã về các công trình liệt sĩ cần được cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì tại địa phương; đồng thời, báo cáo Sở Tài chính phân cấp nguồn ngân sách trung ương cho UBND cấp xã đảm bảo theo quy định.

4. Thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh, đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc và tu bổ các công trình luôn tuân thủ quy định, giữ gìn sự trang nghiêm.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh để thực hiện cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; đưa công tác "*Đền ơn đáp nghĩa*" lồng ghép vào các bài giảng, chương trình giáo dục, giáo dục ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.

b) Tổ chức vận động, khuyến khích học sinh, sinh viên thường xuyên tham gia chăm sóc, vệ sinh các phần mộ liệt sĩ và khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn; phục vụ dâng hương, dâng hoa tại các Nghĩa trang liệt sĩ nhân dịp các ngày Lễ, Tết.... theo kế hoạch.

3. Các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nội vụ và UBND cấp xã trong việc quản lý, chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tuyên truyền vận động các đoàn viên, hội viên của tổ chức mình và Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn, chăm sóc chu đáo, sạch đẹp, trang nghiêm đối với công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

b) Hằng năm, triển khai vận động, ủng hộ xây dựng Quỹ “*Đền ơn đáp nghĩa*” để huy động các nguồn kinh phí nhằm hỗ trợ một phần cho công tác sửa chữa, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

5. Đề nghị Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

a) Chi đạo Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã tuyên truyền vận động các đoàn viên của tổ chức mình nâng cao ý thức giữ gìn, chăm sóc chu đáo, sạch đẹp, trang nghiêm đối với công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; phục vụ dâng hương, dâng hoa tại các Nghĩa trang liệt sĩ nhân dịp các ngày Lễ, Tết....

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thấp nền tri ân tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh vào dịp Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm.

Điều 9. UBND cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ đảm bảo luôn trang nghiêm, sạch đẹp.

2. Phân công cơ quan, đơn vị và bố trí công chức, viên chức thực hiện quản lý công trình ghi công liệt sĩ theo quy định. Ban hành nội quy, quy chế quản lý, chăm sóc đối với các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.

3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Sở Nội vụ về các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc thẩm quyền quản lý cần cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước. Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chi cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ thuộc thẩm quyền quản lý từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP.

4. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, cơ sở giáo dục trên địa bàn tổ chức thấp nền tri ân, vệ sinh, chăm sóc các phần mộ liệt sĩ và khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ tạo cảnh quan sạch đẹp, trang nghiêm. Chủ động bố trí ngân sách nhà nước, phân bổ nguồn kinh phí của địa phương hoặc từ nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện công tác cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ, dâng hương, viếng nghĩa trang trong các dịp Lễ, Tết, các Ngày Lễ lớn hoặc theo Kế hoạch của cấp trên đảm bảo chu đáo, trang nghiêm.

5. Chủ động chuẩn bị, tổ chức thực hiện và phục vụ chu đáo lễ dâng hương, viếng nghĩa trang liệt sĩ theo kế hoạch của các đoàn đại biểu Trung ương, tỉnh,... nhân các ngày lễ, tết hằng năm và các đoàn đại biểu trong, ngoài tỉnh đến thăm viếng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cung cấp, bàn giao đầy đủ giấy tờ, hồ sơ khi đưa hài cốt liệt sĩ vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ hoặc di chuyển hài cốt liệt sĩ đi nơi khác; cung cấp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ đối với những trường hợp bổ sung, chỉnh sửa nội dung thông tin trên bia mộ liệt sĩ. Không tự ý thay đổi thông tin được ghi trên bia mộ liệt sĩ, bia ghi tên liệt sĩ.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân đến thăm viếng mộ, tham quan, sinh hoạt truyền thống tại các công trình ghi công liệt sĩ có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản tài sản, các công trình ghi công liệt sĩ; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định và tuân thủ theo sự hướng dẫn của cơ quan quản lý và người làm công tác bảo vệ, chăm sóc, quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; giữ gìn vệ sinh sạch sẽ và đảm bảo sự tôn nghiêm của các công trình ghi công liệt sĩ.

Điều 11. Thông tin báo cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Thông tin báo cáo: Cơ quan quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về tình hình triển khai thực hiện Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn, lồng ghép với báo cáo công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng định kỳ 6 tháng, một năm theo quy định.

2. Khen thưởng: Các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ hoặc có nhiều đóng góp trong việc đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình ghi công liệt sĩ được ghi nhận, biểu dương khen thưởng theo quy định.

3. Xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, phá hoại các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, tùy thuộc vào mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trường hợp nội dung các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 83/TTr-STP ngày 01 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; thủ trưởng các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định một cách thống nhất nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; không làm phát sinh thủ tục hành chính, nghĩa vụ hoặc điều kiện trái quy định pháp luật.

2. Bảo đảm lấy lợi ích tốt nhất của trẻ em làm nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình phối hợp, giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Bảo đảm sự phối hợp chủ động, thường xuyên, kịp thời, có trách nhiệm; thông tin trao đổi phải đầy đủ, chính xác, khách quan.

4. Gắn trách nhiệm phối hợp với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức hợp liên ngành.
3. Tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.
5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Phối hợp trong việc lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (*sau đây viết tắt là cấp xã*) nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm

a) Tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo từ người phát hiện trẻ bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế tại cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ và phải được người lập, những người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (*nếu có*) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

b) Tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Nếu có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã, phường, đặc khu đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Trường hợp trên địa bàn xã/phường không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

c) Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch.

d) Thông báo cho cá nhân, tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em khi hết thời hạn niêm yết, không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ.

2. Cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm

a) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ em sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi.

b) Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi cho cơ quan có thẩm quyền sau khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ em bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sở y tế.

Điều 6. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 06 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi. Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi, xin ý kiến của cơ quan chủ quản.

3. Trách nhiệm của Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan chủ quản có ý kiến để cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi, Sở Tư pháp kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi trước khi giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và giới thiệu người nhận con nuôi đến Ủy ban nhân dân cấp xã

nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, Sở Tư pháp thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

b) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi toàn thành phố, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi, Sở Tư pháp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này. Sau khi hết thời hạn thông báo, nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

c) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc, nếu công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em làm con nuôi thì liên hệ với Sở Tư pháp để thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đối với trẻ em quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài.

Đối với trẻ em thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng nếu trẻ em không được chăm sóc thay thế bằng hình thức phù hợp khác theo quy định pháp luật. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều này thì không phải thực hiện lại việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi;

d) Nội dung thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi phải bảo đảm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của trẻ em theo quy định pháp luật.

5. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp chỉ đạo Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi phối hợp thực hiện việc bảo đảm đăng tải miễn phí thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em trên đài phát thanh, truyền hình hoặc báo viết của địa phương theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 7. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài. Công văn đề nghị cần nêu rõ nội dung cần xác minh.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an tỉnh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha, mẹ đẻ và chưa phát hiện vấn đề gì liên quan đến mua bán người. Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, Công an tỉnh nơi giải quyết việc nuôi con nuôi trực tiếp xác minh hoặc gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em xác minh.

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 8. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và cử công chức lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Nuôi con nuôi.

Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cử công chức hoặc gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài

theo quy định pháp luật và gửi văn bản lấy ý kiến cho Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết tại trụ sở trong thời hạn 60 ngày. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Tư pháp thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.

Điều 9. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về độ tuổi, đối tượng được nhận đích danh, đối tượng phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện đích danh theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP hay phải thông qua thủ tục giới thiệu.

c) Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi kèm theo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác

Phối hợp cho ý kiến theo đề nghị của Sở Tư pháp kịp thời, đúng thời hạn để đảm bảo trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 10. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài

1. Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi và thực hiện như sau:

a) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Tư pháp (*Chủ trì cuộc họp*), đại diện Lãnh đạo Sở Y tế, đại diện Lãnh đạo Công an tỉnh, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ em.

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Cục Hành chính tư pháp về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

b) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho các cơ quan, ban ngành nêu tại điểm a khoản 1 Điều này đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được hỏi ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan và báo cáo Cục Hành chính tư pháp kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Cục Hành chính tư pháp kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi, đối với các hồ sơ không được giới thiệu thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Hành chính tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 11. Phối hợp trong việc quản lý, sử dụng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, đảm bảo kinh phí cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ vào thông báo của Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp về số chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, trên cơ sở đề xuất của Sở Tư pháp, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Các nội dung chi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

Một số mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì tiếp nhận, kiểm tra, thẩm tra hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan theo nội dung, phạm vi trách nhiệm được phân công tại Quy chế này.

3. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp chậm trễ, không phối hợp hoặc phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện công tác nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ, xác nhận tình trạng sức khỏe của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp cung cấp thông tin chuyên môn y tế phục vụ công tác thẩm tra, giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc xác minh nhân thân, tình trạng pháp lý của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi; cha, mẹ đẻ, người giám hộ và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo yêu cầu.

2. Chủ động áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo thẩm quyền nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Cung cấp kết quả xác minh bằng văn bản cho Sở Tư pháp trong thời hạn quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp.

4. Phối hợp tham gia xử lý các vụ việc phức tạp, nhạy cảm theo yêu cầu của Sở Tư pháp hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong quá trình trao đổi, khai thác thông tin giữa các cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Đảm bảo việc đăng tải miễn phí thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em khi có đề nghị của Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trẻ em và về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện đảm bảo các nội dung phối hợp tại khoản 1 Điều 11 Quy chế phối hợp này.
2. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị tại địa phương thực hiện việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài và việc thực hiện Quy chế.
3. Bảo đảm, bố trí kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài tại địa phương và đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ sở nuôi dưỡng

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
2. Tạo điều kiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện để người nhận con nuôi được tiếp xúc, làm quen với trẻ em khi đến Việt Nam nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi.
3. Báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định pháp luật và báo cáo Cục Hành chính tư pháp về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc theo yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ)*.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý trẻ em trên địa bàn; xác minh điều kiện của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi và pháp luật có liên quan.
2. Phối hợp cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thông tin, tài liệu do mình cung cấp.
3. Thực hiện kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh do các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Sở Tư pháp kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, giải quyết.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nghiêm túc tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay đổi hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện các nội dung tương ứng theo các văn bản đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, thì các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời, thông báo cho Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đề xuất bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di
sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2024/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 được sửa đổi một số điều Luật đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư 05/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về nhiệm vụ chuyên môn của bảo tàng; gửi, lưu giữ hiện vật, tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; hoạt động nghiên cứu, sưu tầm và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân người nước ngoài và hoạt động nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu; chương trình, tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 923/TTr-SVHTTDL ngày 18 tháng 3 năm 2026; Báo cáo số 1221/BC-SVHTTDL và Công văn số 1226/SVHTTDL-QLVH ngày 02 tháng 4 năm 2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 79/BC-STP ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Công văn số 1450/STP-XD&TDTHPL ngày 16 tháng 12 năm 2025; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Y Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Những nội dung không được quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân các xã); tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

- Mọi hoạt động quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải được thực hiện theo Luật Di sản văn hóa, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các quy định của Quy định này.
- Công tác quản lý di sản văn hóa phải gắn liền với yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng ngừa và khắc phục thiên tai, bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, nhằm hướng tới phát triển bền vững.
- Khuyến khích việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình kiểm kê, xây dựng và quản lý hồ sơ khoa học di sản, quảng bá, tuyên truyền và quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Điều 4. Phân cấp quản lý di sản văn hóa

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý di tích quốc gia Khu di tích Sơn Mỹ và Đền thờ Trương Định (xã Tịnh Khê); Di tích lịch sử Nhà Ngục Kon Tum (phường Kon Tum) và Di tích quốc gia Trường Lũy Quảng Ngãi.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là UBND các xã) trực tiếp quản lý di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích, phê duyệt danh mục kiểm kê di tích (Có Danh mục di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh kèm theo Quy định này).

3. Ủy ban nhân dân các xã nơi có loại hình di sản văn hóa phi vật thể được cấp có thẩm quyền ghi danh vào danh sách của UNESCO, danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể, danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trực tiếp quản lý di sản văn hóa phi vật thể đã được cấp có thẩm quyền ghi danh và kiểm kê.

4. Đối với di tích được cấp có thẩm quyền xếp hạng, kiểm kê di tích sau Quyết định này, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch căn cứ vào quy mô tính chất được xác lập trong hồ sơ khoa học của di tích, chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quản lý phù hợp.

Điều 5. Đối tượng kiểm kê di sản văn hóa

1. Đối tượng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể bao gồm di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối tượng kiểm kê di tích được nhận diện theo tiêu chí quy định tại Điều 22 Luật Di sản văn hóa.

3. Đối tượng kiểm kê di sản tư liệu bao gồm các thông tin trên vật mang tin được nhận diện theo tiêu chí quy định tại Điều 53 Luật Di sản văn hóa.

Điều 6. Trách nhiệm kiểm kê di sản văn hóa

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kiểm kê di sản văn hóa; ban hành Quyết định thành lập Ban Kiểm kê di sản văn hóa; phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa hoặc đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

2. Ít nhất 05 năm một lần, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Xem xét phê duyệt Kế hoạch kiểm kê di sản phi vật thể trên địa bàn tỉnh; Thành lập Ban kiểm kê di sản văn hóa theo quy định; Phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa hoặc đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

3. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã chịu trách nhiệm rà soát, bổ sung danh sách, lý lịch trích ngang di sản văn hóa phi vật thể theo Điều 10 Luật Di sản văn hóa năm 2024, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, phối hợp trong công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn được giao quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ

Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch các nhiệm vụ liên quan đến thu thập, xử lý, cập nhật, công bố, công khai dữ liệu theo phân cấp quản lý và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa theo phạm vi quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa có trách nhiệm thực hiện theo khoản 5 Điều 28 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương II
QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA
PHI VẬT THỂ

Điều 8. Ghi danh, ghi danh bổ sung, hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức đón nhận bằng ghi danh

1. Trách nhiệm lập hồ sơ khoa học, ghi danh di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa phi vật thể vào các danh sách của UNESCO thực hiện theo Điều 13 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các văn bản có liên quan.

2. Tổ chức đón Bằng ghi danh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đón nhận bằng ghi danh, ghi danh bổ sung di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO theo khoản 4 Điều 96 Nghị định 308/2025/NĐ-CP.

b) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tổ chức đón nhận bằng ghi danh, ghi danh bổ sung vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Trách nhiệm tổ chức triển khai việc hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể.

a) Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể không còn đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 thì tổ chức hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì lập hồ sơ khoa học đề nghị hủy, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Hồ sơ khoa học đề nghị hủy bỏ ghi danh di sản văn

hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể trên cơ sở đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

d) Việc hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam trong các danh sách của UNESCO thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Luật Di sản văn hóa 45/2024/QH15.

Điều 9. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

Nghệ nhân và các chủ thể nắm giữ, thực hành di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được hưởng các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 20 của Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Duy trì thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể

1. Nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể duy trì thực hành, truyền dạy, giữ gìn giá trị của di sản văn hóa trong cộng đồng và lan tỏa di sản văn hóa đến cộng đồng khác trong xã hội thực hiện theo Điều 15 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

2. Việc thực hành truyền dạy di sản văn hóa đảm bảo đúng các nguyên tắc được quy định tại Điều 5 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan. Ưu tiên phục hồi các thực hành, hình thức thể hiện, điều kiện, hiện vật và không gian văn hóa liên quan đối với di sản có nguy cơ mai một thất truyền.

Điều 11. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thực hiện công tác nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa, trong đó ưu tiên nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa đối với di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền; thẩm định và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý đối với hồ sơ đề nghị được nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể có phạm vi phân bố chỉ trên địa bàn tỉnh theo điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 31 Thông tư số 05/2025/TT-BVHTTDL.

2. Hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể được thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa, pháp luật về sở hữu trí tuệ, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 12. Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh

1. Việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 17 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Liên hoan một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi của tỉnh định kỳ 2 năm 1 lần.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Điều 13. Hồ sơ xếp hạng di tích, tổ chức đón Bằng xếp hạng di tích

1. Trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di tích

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ khoa học di tích và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

b) Ủy ban nhân dân các xã nơi có di tích phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xếp hạng.

2. Tổ chức đón nhận Bằng xếp hạng di tích

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đón nhận bằng ghi danh di tích của UNESCO theo khoản 4 Điều 96 Nghị định 308/2025/NĐ-CP và tổ chức đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tổ chức đón nhận Bằng di tích cấp tỉnh đối với các di tích phân bố trên địa bàn nhiều xã.

c) Ủy ban nhân dân các xã chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh.

Điều 14. Bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Di tích đã được xếp hạng hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào Danh mục kiểm kê phải được bảo vệ về đất đai, mặt bằng và không gian theo quy định tại Điều 211 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tiến hành lập hồ sơ và triển khai cắm mốc giới các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích trên thực địa theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Dự án đầu tư xây dựng, tổ chức sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ thực hiện các hoạt động trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thể giới thực hiện theo Điều 28 và Điều 29 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

4. Dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ, thực hiện hoạt động nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thể giới thực hiện theo Điều 30 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

5. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích.

a) Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân các xã chỉ đạo rà soát, cập nhật Bản thống kê hiện vật thuộc di tích và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30 tháng 11.

b) Chủ sở hữu di tích được đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 31 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

c) Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích; xây dựng phương án bảo vệ đặc biệt đối với từng bảo vật quốc gia trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; có trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho từng bảo vật quốc gia. Trong trường hợp phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia bị xâm hại, bị hủy hoại hoặc bị mất thì phải báo ngay cho cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân các xã hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch nơi gần nhất để kịp thời xử lý, giải quyết.

d) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong và ngoài nước được thực hiện theo quy định của Điều 50 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

6. Lễ hội tổ chức tại di tích phải tuân thủ các quy định của Luật Di sản văn hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc tổ chức lễ hội phải phù hợp với tính chất, đặc điểm lịch sử của di tích, thuần phong mỹ tục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi có di tích. Nội dung hoạt động lễ hội và các dịch vụ liên quan đến di tích phải được đăng ký với cơ quan trực tiếp quản lý di tích.

7. Hoạt động tại di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nghiêm cấm các hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng, xuyên tạc các giá trị của di tích.

8. Hoạt động dịch vụ tại di tích phải được bố trí ở vị trí thích hợp, đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan môi trường của di tích và các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo gắn với di tích; đảm bảo an ninh, trật tự và các quy định của pháp luật về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại di tích.

9. Tập thể, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ, ngăn ngừa các hành vi làm xâm hại đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường và cảnh quan di tích xanh - sạch - đẹp; đảm bảo an ninh, trật tự; thực hiện nếp sống văn minh tại di tích.

Điều 15. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Bảo quản thường xuyên, sửa chữa nhỏ, tu sửa cấp thiết di tích

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

2. Việc triển khai Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo Điều 35 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các văn bản liên quan. Công tác bảo quản thường xuyên, sửa chữa nhỏ, tu sửa cấp thiết di tích thực hiện theo Điều 36 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các văn bản có liên quan.

Điều 16. Thi công tu bổ di tích

Việc thi công tu bổ di tích được thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 17. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ loại hình, quy mô, giá trị, tính chất của di tích và tình hình thực tiễn của địa phương thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 283/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân các xã căn cứ loại hình, quy mô, giá trị, tính chất của Di tích và tình hình thực tiễn của địa phương, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các xã theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 283/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU

Điều 18. Kiểm kê di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải được kiểm kê đưa vào Danh mục kiểm kê di sản tư liệu của tỉnh. Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã rà soát, cập nhật, tổng hợp Danh mục kiểm kê di sản tư liệu.

2. Ít nhất 05 năm một lần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tổ chức kiểm kê di sản tư liệu trên địa bàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, công bố đưa vào Danh mục kiểm kê di sản tư liệu hoặc đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản tư liệu theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

3. Kinh phí tổ chức kiểm kê từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn

kinh phí hợp pháp khác.

4. Ủy ban nhân dân các xã chịu trách nhiệm kê khai, lập danh sách các di sản tư liệu theo tiêu chí quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời, phối hợp trong công tác kiểm kê di sản tư liệu trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 19. Ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu

1. Việc ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

2. Trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ghi danh, ghi danh bổ sung vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu; đề nghị UNESCO ghi danh, ghi danh bổ sung vào Danh mục di sản tư liệu khu vực, Danh mục di sản tư liệu thế giới.

3. Tổ chức đón nhận Bằng ghi danh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đón nhận bằng ghi danh, ghi danh bổ sung di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO theo khoản 4 Điều 96 Nghị định 308/2025/NĐ-CP.

b) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tổ chức đón nhận bằng ghi danh, ghi danh bổ sung vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 20. Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu đã được kiểm kê và ghi danh

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc thẩm định, hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ bảo quản, nghiên cứu, sưu tầm và phục chế di sản tư liệu theo đề nghị của tổ chức, cá nhân; đồng thời chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, phê duyệt đề án, dự án, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia về di sản tư liệu trên địa bàn tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Ủy ban nhân dân các xã, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tổ chức công bố, giới thiệu các danh mục kiểm kê di sản tư liệu, danh mục ghi danh di sản tư liệu, dự án và đề án liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu;

b) Xuất bản ấn phẩm; trưng bày, triển lãm trực tiếp, trên môi trường điện tử và các hình thức khác;

c) Trao đổi, liên kết, hợp tác và các hình thức khác theo quy định của pháp

luật để phát huy giá trị di sản tư liệu.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Là đơn vị đầu mối trong việc tổ chức thực hiện Quy định này và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền và nguồn thu hợp pháp khác cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã trong việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo Quy định này.

d) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá kết quả việc thực hiện Quy định và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã xem xét, lựa chọn và lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành. Đồng thời, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 14, Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

2. Sở Nội vụ

Trên cơ sở đề xuất của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành. Đồng thời, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 14, Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tín ngưỡng do cộng đồng dân cư quản lý được xếp hạng Di tích trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã đưa các Di tích vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo Điều 144 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường khu vực có, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên thế giới trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

a) Tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định quy định về phí, lệ phí, về việc thu nộp, sử dụng phí, lệ phí và nguồn thu hợp pháp khác cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban ngành liên quan tham gia ý kiến về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý trong công tác lập nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tham gia ý kiến đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định.

b) Hướng dẫn, thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc quản lý các công trình xây dựng tại các Di tích trong địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, đưa việc học tập, tham quan, nghiên cứu, chăm sóc Di tích vào chương trình giáo dục ngoại khóa hàng năm của các cấp học, trường học. Chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” gắn với việc tham gia tìm hiểu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc tổng hợp tham mưu, lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện.

b) Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã xây dựng, hướng dẫn ứng dụng các đề tài khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện số hóa hệ thống di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi

Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công dân và toàn xã hội trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

10. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hoạt động xâm phạm di sản văn hóa; các hành vi trộm cắp, chiếm đoạt, mua bán, trao đổi, vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và hiện vật thuộc di tích trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các xã trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ tại các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã hướng dẫn hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh đảm bảo an ninh - quốc phòng.

12. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa; quan hệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ nhằm huy động nguồn lực hợp pháp phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

13. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, được giao nhiệm vụ tiến hành kiểm kê di sản

văn hóa.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tại địa phương; tham gia tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo quy định của pháp luật.

14. Ủy ban nhân dân các xã

a) Thực hiện việc quản lý về di sản văn hóa theo phân cấp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan chức năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền.

c) Xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn hàng năm, 05 (năm) năm; đề xuất nguồn kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và cân đối, bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương.

d) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc lập hồ sơ khoa học trình cấp thẩm quyền xếp hạng di tích, ghi danh di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục cho học sinh về công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương.

e) Chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tài liệu từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để quản lý theo Quy định này và các quy định khác có liên quan.

f) Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn. Báo cáo kịp thời và phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan trong việc xử lý những hành vi xâm hại di sản văn hóa.

g) Có trách nhiệm theo dõi, quản lý các nguồn thu, chi phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đảm bảo công khai, minh bạch.

h) Giải quyết đơn thư, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

k) Chủ động cân đối, bố trí kinh phí của địa phương để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao quản lý.

l) Định kỳ hàng năm, tổng hợp kết quả thực hiện Quy định này gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30/11.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

I. DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công nhận di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
1	Di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ	Quyết định số 2082/QĐ-TTg	25/12/2017	Thủ tướng Chính phủ	UBND các xã: Ba Tơ, Ba Động, Ba Vinh	Các xã: Ba Tơ, Ba Động, Ba Vinh
2	Di tích khảo cổ Di tích Văn hóa Sa Huỳnh	Quyết định số 1649/QĐ-TTg	29/12/2022	Thủ tướng Chính phủ	UBND xã, phường: Khánh Cường, Sa Huỳnh	Xã Khánh Cường, phường Sa Huỳnh
3	Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh qua địa bàn tỉnh Kon Tum	Quyết định số 2383/QĐ-TTg	09/12/2013	Thủ tướng Chính phủ	UBND các xã: Mô Rai, Bờ Y	Các xã: Mô Rai, Bờ Y
4	Di tích lịch sử Địa Điểm Chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh	- Quyết định số 2499/QĐ-TTg - Quyết định số 93/QĐ-TTg	22/12/2016 18/01/2022	Thủ tướng Chính phủ	UBND các xã: Đăk Tô, Sa Bình, Rờ Koi	Các xã: Đăk Tô, Sa Bình, Rờ Koi
5	Di tích lịch sử Nhà Ngục Kon Tum	Quyết định số 266/QĐ-TTg	11/02/2026	Thủ tướng Chính phủ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phường Kon Tum

II. DI TÍCH QUỐC GIA

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công nhận di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
1	Di tích lịch sử Khu di tích Sơn Mỹ	Quyết định số 54-VHTT/QĐ	29/4/1979	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Xã Tịnh Khê

2	Di tích lịch sử Khu Lưu niệm đồng chí Phạm Văn Đồng	Quyết định số 27-QĐ	21/02/2006	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
3	Di tích lịch sử Trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ (1946-1949), Nhà bà Võ Thị Tuyết, Nhà ông Ngô Xuân Dương	Quyết định số 3211-QĐ/BT	12/12/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
4	Di tích lịch sử Địa đạo Đàm Toái	Quyết định số 2307-QĐ	30/12/1991	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình làng Lý Hải (An Hải)	Quyết định số 985-QĐ/VH	07/5/1997	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
6	Di tích lịch sử Những địa điểm của cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng (1959 - 1960)	Quyết định số 2307-QĐ	30/12/1991	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao	UBND các xã: Tây Trà, Tây Trà Bồng, Thanh Bồng, Trà Bồng	Các xã: Tây Trà, Tây Trà Bồng, Thanh Bồng, Trà Bồng
7	Di tích lịch sử Những địa điểm lưu niệm Chiến thắng Vạn Tường	Quyết định số 147/VH-QĐ	24/12/1982	Bộ trưởng Bộ Văn hóa	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
8	Di tích lịch sử Chiến thắng Ba Gia	Quyết định số 866-QĐ	20/5/1991	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao	UBND các xã: Ba Gia, Sơn Tịnh	Các xã: Ba Gia, Sơn Tịnh
9	Di tích lịch sử Chiến thắng Đình Cương	Quyết định số 43-VH/QĐ	7/01/1993	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND các xã: Đình Cương, Phước Giang	Các xã: Đình Cương, Phước Giang
10	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Khánh Giang -Trường Lệ	Quyết định số 43-VH/QĐ	7/01/1993	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Thiện Tín	Xã Thiện Tín
11	Di tích lịch sử Âm linh tự và mộ lính Hoàng Sa	Quyết định số 41/2007/QĐ-BVHTT	08/3/2007	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
12	Danh lam thắng cảnh Thắng cảnh Chùa Hang	Quyết định số 921-QĐ/BT	20/7/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn

13	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Trần Cẩm	Quyết định số 1543-QĐ/VH	18/6/1997	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND các xã: Mỏ Cày, Mỏ Đức	Các xã: Mỏ Cày, Mỏ Đức
14	Di tích lịch sử Địa điểm Huyện đường Đức Phổ	Quyết định số 985-QĐ/VH	07/5/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
15	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Bùi Tá Hán	Quyết định số 168-VH/QĐ	02/3/1990	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND phường Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
16	Di tích danh lam thắng cảnh Thắng cảnh núi Thiên Ấn và Mộ Huỳnh Thúc Kháng	Quyết định số 168-VH/QĐ	02/3/1990	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
17	Di tích lịch sử Nơi quân Nam Triều Tiên giết hại 430 đồng bào ta từ ngày 3 tới ngày 6-12 năm 1966 (<i>Vụ thảm sát Bình Hòa</i>)	Quyết định số 866-QĐ	20/5/1991	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin-Thể thao và Du lịch	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
18	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Ông	Quyết định số 43-VH/QĐ	07/01/1993	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
19	Danh lam thắng cảnh Thắng cảnh núi Phú Thọ và Cổ Lũy Cô Thôn	Quyết định số 43-VH/QĐ	07/01/1993	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã An Phú	Xã An Phú
20	Di tích kiến trúc Thành cổ Châu Sa	Quyết định số 152-QĐ/BT	25/01/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
21	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Diên Niên-Phước Bình	Quyết định số 295-QĐ/BT	12/02/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
22	Di tích lịch sử Địa điểm Đài tiếng nói Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp (Đình Thọ Lộc)	Quyết định số 921-QĐ/BT	20/7/1994	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
23	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Diệu Giác	Quyết định số 06-QĐ/BVHTT	13/4/2000	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
24	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Vĩnh	Quyết định số 1451- QĐ/BVHTTDL	18/4/2013	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn

25	Di tích lịch sử Mộ và Đền thờ Huỳnh Công Thiệu	Quyết định số 1210- QĐ/BVHTTDL	29/3/2012	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
26	Di tích lịch sử Điện Trường Bà	Quyết định số 1388- QĐ/BVHTTDL	09/5/2014	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã Trà Bồng	Xã Trà Bồng
27	Di tích kiến trúc Trường Lũy Quảng Ngãi	Quyết định số 800- QĐ/BVHTTDL	09/3/2011	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các xã: Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Cà Đàm, Ba Gia, Trường Giang, Sơn Hạ, Trà Giang, Sơn Mai, Phước Giang, Thiện Tín, Ba Động, Đặng Thủy Trâm, Nguyễn Nghiêm, Khánh Cường và phường Đức Phổ
28	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Định	Quyết định số 3377/QĐ- BVHTTDL	06/9/2017	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang
29	Danh lam thắng cảnh Núi Thới Lới	Quyết định số 47/QĐ-BVHTTDL	07/01/2020	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
30	Danh lam thắng cảnh Núi Giếng Tiên	Quyết định số 46/QĐ-BVHTTDL	07/01/2020	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
31	Di tích lịch sử Địa điểm Xưởng in Tín phiếu của Liên khu V tại Xà Nay (1947-1950)	Quyết định số 3083/QĐ- BVHTTDL	03/12/2021	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ
32	Di tích lịch sử Đền thờ Trương Định	Quyết định số 400/QĐ- BVHTTDL	24/02/2023	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Xã Tịnh Khê

33	Di tích lịch sử Địa điểm xuất quân liên quân Việt – Lào tại Đền An (19/8/1948)	Quyết định số 612/QĐ-BVHTTDL	12/3/2024	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
34	Danh lam thắng cảnh Cổng Tò Vò	Quyết định số 3235/QĐ-BVHTTDL	09/9/2025	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
35	Di tích lịch sử Ngục Đắk Glei	Quyết định số 2307/ QĐ-VHTT	30/12/1991	Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin	UBND xã Xốp	Xã Xốp
36	Di tích lịch sử và danh thắng Măng Đen	Quyết định số 06/ QĐ-VHTT	13/4/2000	Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin	UBND xã Măng Đen	Xã Măng Đen
37	Di tích lịch sử Chiến thắng Plei Kần	Quyết định số 06/ QĐ-VHTT	13/4/2000	Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin	UBND xã Bờ Y	Xã Bờ Y
38	Di tích lịch sử Chiến thắng Đắk Pék	Quyết định số 1311/QĐ-BVHTTDL	15/5/2024	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã Đắk Pék	Xã Đắk Pék

III. DI TÍCH CẤP TỈNH

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công nhận di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
1	Di tích lịch sử Khu Chứng tích Kon Hring	Quyết định số 336/QĐ- UB	17/5/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đắk Tô	Xã Đắk Tô
2	Di tích lịch sử Điểm cao 601	Quyết định số 754/QĐ-UB	21/7/2003	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đắk Hà	Xã Đắk Hà
3	Di tích lịch sử Căn cứ Kháng chiến Đắk Ui	Quyết định số 60/QĐ-UB	24/01/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đắk Hà	Xã Đắk Hà
4	Di tích lịch sử Chiến thắng Măng Bút	Quyết định số 06/QĐ-VHTT	20/6/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Măng Bút	Xã Măng Bút
5	Di tích lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum	Quyết định số 761/QĐ-UB	02/8/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Măng Ri	Xã Măng Ri

6	Dị tích lịch sử Đình Trung Lương	Quyết định số 771/QĐ-UB	03/8/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
7	Dị tích lịch sử Đình Võ Lâm	Quyết định số 770/QĐUB	03/8/2009	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
8	Dị tích lịch sử Chùa Tổ Đình Bắc Ái	Quyết định số 11/QĐ-CTUB	08/01/2009	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
9	Dị tích lịch sử Chiến thắng Đồn Kon Braih	Quyết định số 198/QĐ-UBND	01/6/2009	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Kon Braih	Xã Kon Braih
10	Dị tích lịch sử Căn cứ Huyện ủy H16	Quyết định số 199/QĐ-UBND	01/6/2009	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi
11	Dị tích lịch sử Căn cứ Trung Tín	Quyết định số 291/QĐ- UBND	24/4/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đăk Cẩm	Phường Đăk Cẩm
12	Dị tích lịch sử Chùa Trung Khánh	Quyết định số 290/QĐ- UBND	24/4/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
13	Dị tích lịch sử Chiến thắng Đăk Seang	Quyết định số 1320/QĐ-UBND	7/11/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Dục Nông	Xã Dục Nông
14	Dị tích lịch sử Điểm cao 995 Chư Tan Kra	Quyết định số 495/QĐ-UBND	10/7/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly
15	Dị tích lịch sử Chiến Thắng Kleng	Quyết định số 488/QĐ-UBND	20/8/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sa Thầy	Xã Sa Thầy
16	Dị tích lịch sử Kháng chiến Xốp Dùi	Quyết định số 487/QĐ-UBND	20/8/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Xốp	Xã Xốp
17	Dị tích lịch sử Phân xưởng luyện gang C13 - Quân giới Khu V	Quyết định số 368/QĐ-UBND	11/7/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi
18	Dị tích lịch sử Căn cứ Huyện ủy H29	Quyết định số 795/QĐ-UBND	28/10/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Kon Plông	Xã Kon Plông
19	Dị tích lịch sử Chiến thắng Đăk Tô 1967 và Điểm cao 875 lịch sử	Quyết định số 45/QĐ-UBND	26/01/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sa Loong	Xã Sa Loong
20	Dị tích lịch sử Công trình thủy lợi Đập Đăk Ui	Quyết định số 45/QĐ-UBND	26/01/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Đăk Ui, Đăk Mar	Các xã: Đăk Ui, Đăk Mar

21	Di tích lịch sử Cuộc biểu tình Ba La	Quyết định số 167/QĐ-UB	24/01/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
22	Di tích lịch sử Khu xà lim của Ty Công an thời Mỹ Ngụy giai đoạn 1955-1959	Quyết định số 2103/QĐ-UB	30/7/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
23	Di tích lịch sử Chiến thắng Khánh Lạc Đông	Quyết định số 1528/QĐ-UBND	10/7/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
24	Di tích lịch sử Đình làng Sung Tích	Quyết định số 282/QĐ-CT	23/01/2003	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
25	Di tích lịch sử Vụ thảm sát An Nhơn	Quyết định số 3839/QĐ-UBND	22/12/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
26	Di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Rừng dừa nước Tịnh Khê	Quyết định số 996/QĐ-UBND	10/5/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
27	Di tích lịch sử Đền Văn Thánh	Quyết định số 2089/QĐ-UBND	25/12/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
28	Di tích lịch sử Chùa Khánh Vân	Quyết định số 1702/QĐ-UBND	22/11/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
29	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Huỳnh Văn Tuý	Quyết định số 390/QĐ-UBND	16/3/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
30	Di tích lịch sử Trường Lục quân Trung học Quảng Ngãi	Quyết định số 906/QĐ-UBND	25/5/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
31	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm Trung tướng Trần Quý Hai	Quyết định số 1453/QĐ-UBND	07/10/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
32	Di tích lịch sử Địa điểm Vụ thảm sát Khánh Lâm	Quyết định số 1591/QĐ-UBND	17/11/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
33	Di tích lịch sử Bồn dưng sĩ Nghĩa Dũng	Quyết định số 1667/QĐ-UBND	05/12/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú

34	Di tích lịch sử Địa điểm Nhà lao Quảng Ngãi thời Pháp thuộc	Quyết định số 126/QĐ-UBND	24/01/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
35	Di tích lịch sử Miếu Bà Phú Thạnh	Quyết định số 266/QĐ-UBND	29/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
36	Di tích lịch sử Địa điểm 68 Chiến sĩ quân giải phóng hy sinh trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968	Quyết định số 231/QĐ-UBND	17/02/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
37	Di tích lịch sử Lăng vạ An Vĩnh Tịnh kỳ	Quyết định số 232/QĐ-UBND	17/02/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
38	Di tích lịch sử Xưởng quân giới X1002	Quyết định số 282/QĐ-CT	07/02/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ
39	Di tích lịch sử Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Ngãi	Quyết định số 283/QĐ-CT	07/02/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Kỳ
40	Di tích lịch sử Chiến thắng Đồn Di Lăng	Quyết định số 889/QĐ-UBND	12/6/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà
41	Di tích lịch sử Chiến thắng Đồn Tà Ma	Quyết định số 890/QĐ-UBND	12/6/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Kỳ	Xã Sơn Kỳ
42	Di tích lịch sử Địa điểm thành lập đơn vị vũ trang 89	Quyết định số 2225/QĐ-UBND	11/11/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây Hạ	Xã Sơn Tây Hạ
43	Di tích lịch sử Chiến thắng Bãi Mầu	Quyết định số 477/QĐ-CT	17/3/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây
44	Di tích lịch sử Chiến thắng Huy Mân	Quyết định số 413/QĐ-CT	04/3/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây
45	Di tích lịch sử Trường Sư phạm dân tộc miền núi	Quyết định số 1174/QĐ-CT	08/6/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây
46	Di tích lịch sử Trạm giao liên quân bưu số 8	Quyết định số 476/QĐ-CT	17/3/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây

47	Di tích lịch sử Địa điểm Mang Bloóc- nơi tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc Miền Tây Quảng Ngãi	Quyết định số 483/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây Thượng	Xã Sơn Tây Thượng
48	Danh lam thắng cảnh Thác Lụa	Quyết định số 503/QĐ-UBND	17/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây Hạ	Xã Sơn Tây Hạ
49	Di tích lịch sử Địa điểm Trạm xá T.30	Quyết định số 1529/QĐ-CT	10/7/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Cà Đam	Xã Cà Đam
50	Di tích lịch sử Căn cứ tỉnh ủy Quảng Ngãi giai đoạn 1955-1965	Quyết định số 55/QĐ-UBND	11/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Cà Đam, Tây Trà Bồng	Các xã: Cà Đam, Tây Trà Bồng
51	Di tích lịch sử Căn cứ chống Pháp của Phó mục gia	Quyết định số 32/QĐ-UBND	07/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tây Trà Bồng	Xã Tây Trà Bồng
52	Di tích lịch sử Đình Phú Long	Quyết định số 33/QĐ-UBND	11/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Trà Bồng	Xã Đông Trà Bồng
53	Di tích lịch sử Núi Xương Rồng – nơi thành lập Tổ chức Dự bị cộng sản đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 5107/QĐ-UB	27/10/2000	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
54	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Chợ Chiều - Giếng Thí	Quyết định số 116/QĐ-UB	24/01/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
55	Di tích lịch sử Đèo Mỹ Trang	Quyết định số 160/QĐ-UB	22/01/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
56	Di tích lịch sử Mộ chí sĩ yêu nước Nguyễn Tuyên	Quyết định số 1323/QĐ-UBND	18/9/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
57	Di tích lịch sử Lưu niệm anh hùng, liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm	Quyết định số 1205/QĐ-UBND	03/8/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Khánh Cường, Đặng Thùy Trâm	Các xã: Khánh Cường, Đặng Thùy Trâm
58	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Phan Long Bằng	Quyết định số 827/QĐ-UBND	01/6/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường

59	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm	Quyết định số 845/QĐ-UBND	05/6/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
60	Di tích lịch sử Địa điểm biểu tình Trường Cháy	Quyết định số 185/QĐ-UBND	27/11/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
61	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Phạm Xuân Hòa	Quyết định số 1678/QĐ-UBND	14/11/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
62	Di tích lịch sử Chùa Từ Sơn	Quyết định số 882/QĐ-UBND	19/6/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
63	Di tích lịch sử Điểm cập bến tàu không số (C41)	Quyết định số 1373/QĐ-UBND	02/8/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
64	Di tích lịch sử Điểm cập bến tàu không số (C43)	Quyết định số 1375/QĐ-UBND	02/8/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
65	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Chợ An	Quyết định số 1376/QĐ-UBND		Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
66	Danh lam thắng cảnh Liên tri Dục nguyệt	Quyết định số 184/QĐ-UBND	02/02/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
67	Di tích lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy Quảng Ngãi tại núi Sầu Dầu (1955-1957)	Quyết định số 937/QĐ-UBND	30/6/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
68	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Huỳnh Công Chế	Quyết định số 457/QĐ-UB	29/3/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
69	Di tích lịch sử Đình Thi Phổ	Quyết định số 582/QĐ-UBND	18/4/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
70	Di tích lịch sử Đình An Chuẩn	Quyết định số 582/QĐ-UBND	29/11/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
71	Di tích lịch sử Miếu Bà Kỳ Tân	Quyết định số 581/QĐ-UBND	18/4/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
72	Di tích lịch sử Địa đạo Đức Chánh	Quyết định số 3816/QĐ-CT	31/12/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
73	Di tích lịch sử Hầm Bà Noa	Quyết định số 3813/QĐ-CT	31/12/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày

74	Di tích lịch sử Chiến thắng Đồng Mả	Quyết định số 3814/QĐ-CT	31/12/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
75	Di tích lịch sử Căn cứ Hố Đá	Quyết định số 3815/QĐ-CT	31/12/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
76	Di tích lịch sử Chiến thắng Cầu Gò Da	Quyết định số 3817/QĐ-CT	31/12/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
77	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Lê Quang Đại	Quyết định số 766/QĐ-CT	01/4/2003	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
78	Di tích lịch sử Căn cứ Núi Lớn	Quyết định số 3202/QĐ-CT	09/12/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
79	Di tích lịch sử Chiến thắng Ga Lâm Điền	Quyết định số 3203/QĐ-CT	09/12/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
80	Di tích lịch sử Căn cứ xóm 12, 13	Quyết định số 3204/QĐ-CT	09/12/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
81	Di tích lịch sử Chiến thắng Rộc Trảng	Quyết định số 3205/QĐ-CT	09/12/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
82	Di tích lịch sử Căn cứ Phú Nhuận	Quyết định số 3206/QĐ-CT	09/12/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
83	Di tích lịch sử Nhà bà Trịnh Thị Ngộ	Quyết định số		Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
84	Di tích lịch sử Nhà thờ tộc họ Nguyễn và nhà ông Nguyễn Chí	Quyết định số 165/QĐ-UB	24/01/2002	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
85	Danh lam thắng cảnh Núi Long Phụng – Chùa Ông Rau (Chùa Hang)	Quyết định số 178/QĐ-UBND	26/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
86	Di tích lịch sử Đền Văn Thánh	Quyết định số 246/QĐ-UBND	07/02/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
87	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Tiên hiền Trần Văn Đạt	Quyết định số 83/QĐ-UBND	15/01/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức

88	Di tích lịch sử Nhà thờ và Mộ Nguyễn Mậu Phó	Quyết định số 606/QĐ-UBND	04/5/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
89	Di tích lịch sử Chiến thắng Mỏ Cày	Quyết định số 1222/QĐ-UBND	28/8/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
90	Di tích lịch sử Nhà đồng chí Trần Hàm	Quyết định số 477/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
91	Di tích lịch sử Cuộc biểu tình Trà Niên	Quyết định số 478/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
92	Di tích lịch sử Thăm sát Đồng Nà	Quyết định số 481/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
93	Di tích lịch sử Địa đạo Lâm Sơn	Quyết định số 479/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
94	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ tộc Tiền hiền Trần	Quyết định số 482/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
95	Di tích lịch sử Căn cứ Rừng Nà	Quyết định số 480/QĐ-UBND	03/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày
96	Di tích lịch sử Tù đường họ Trần An Hòa – nơi thờ chí sĩ Trần Du	Quyết định số 1951/QĐ-UBND	10/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
97	Di tích lịch sử Tộc Trần từ đường - Tú Sơn và Miếu thờ thất đại công thần Tây Sơn	Quyết định số 1952/QĐ-UBND	10/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
98	Di tích lịch sử Hầm xác máu	Quyết định số 2181/QĐ-UBND	28/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
99	Di tích lịch sử Địa đạo Phú Lộc	Quyết định số 2183/QĐ-UBND	28/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
100	Di tích lịch sử Vụ thăm sát Bãi biển Tân An	Quyết định số 2184/QĐ-UBND	28/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lân Phong	Xã Lân Phong
101	Di tích lịch sử Căn cứ huyện Đông Sơn	Quyết định số 839/QĐ-UBND	13/6/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
102	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Trần Kỳ Phong	Quyết định số 840/QĐ-UBND	13/6/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn

103	Di tích lịch sử Chiến thắng Bến Lãng	Quyết định số 841/QĐ-UBND	13/6/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
104	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Võ Thị Đệ	Quyết định số 842/QĐ-UBND	13/6/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
105	Di tích lịch sử Thăm sát An Cường	Quyết định số 716/QĐ-UBND	18/5/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
106	Di tích lịch sử Nhà thờ và mộ Nguyễn Tấn Kỳ	Quyết định số 861/QĐ-UBND	03/6/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
107	Di tích lịch sử Lăng Vạn Thanh Thủy	Quyết định số 1023/QĐ-UBND	24/6/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
108	Di tích lịch sử Chiến thắng Gò Sỏi	Quyết định số 177/QĐ-UBND	26/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
109	Di tích lịch sử Căn cứ Truyền Tung- Đình Thọ An	Quyết định số 607/QĐ-UBND	04/5/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh
110	Di tích lịch sử Núi Sơn- Địa điểm treo cờ đảng đầu tiên của huyện Bình Sơn	Quyết định số 1533/QĐ-UBND	18/10/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
111	Di tích lịch sử Bia Đình Gia Yễn Ký (Mộ, Nhà thờ Đình Duy Tự và Bia Đình Gia Yễn Ký)	Quyết định số 82/QĐ-UB	15/01/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Chương	Xã Bình Chương
112	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Trần Công Hiến	Quyết định số 130 /QĐ-UBND	21/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
113	Di tích lịch sử Nhà thờ và mộ Nguyễn Tự Tân	Quyết định số 131/QĐ-UBND	21/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
114	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Lê Ngung	Quyết định số 132/QĐ-UBND	21/01/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
115	Di tích lịch sử Lăng Vạn Đông Yên	Quyết định số 1950/QĐ-UBND	10/12/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
116	Di tích lịch sử Lăng Vạn Tân Thạnh	Quyết định số 1104/QĐ-UBND	17/8/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
117	Di tích lịch sử Lăng Vạn Mỹ Tân	Quyết định số 1592/QĐ-UBND	17/11/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn

118	Di tích khảo cổ Địa điểm cư trú và mộ táng văn hóa Sa Huỳnh tại Bình Châu	Quyết định số 1838/QĐ-UBND	08/12/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
119	Di tích lịch sử Mộ Nguyễn Vĩnh	Quyết định số 3659/QĐ-UB	08/10/2001	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trường Giang	Xã Trường Giang
120	Di tích lịch sử Mộ và bia Trương Quang Cận	Quyết định số 3658/QĐ-UB	08/10/2001	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia
121	Di tích lịch sử Trường sĩ quan Lục quân-phân hiệu vũ Bị Trần Quốc Tuấn, Liên khu V	Quyết định số 1386/QĐ-UBND	12/6/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trường Giang	Xã Trường Giang
122	Di tích lịch sử Trường Trung học Rừng Xanh	Quyết định số 3838/QĐ-UBND	22/12/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
123	Di tích lịch sử Căn cứ Núi Đá Ngựa	Quyết định số 3840/QĐ-UBND	22/12/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
124	Di tích lịch sử Trường THBD Quân sự -Liên khu V (địa điểm Rừng Dê)	Quyết định số 1507/QĐ-UBND	22/12/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
125	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Phạm Kiệt	Quyết định số 1616/QĐ-UBND	01/11/2011	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trường Giang	Xã Trường Giang
126	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Vạn Lộc Đông	Quyết định số 884/QĐ-UBND	23/5/2016	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
127	Di tích lịch sử Mộ, Nhà thờ Đinh Duy Tự và bia Đinh gia yễn ký (địa điểm Mộ và Nhà thờ)	Quyết định số 82/QĐ-UBND	15/01/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia
128	Di tích lịch sử Địa điểm Nhà ông Đinh Tuế, nơi Tỉnh ủy họp Hội nghị mở rộng, cuối tháng 3/1931	Quyết định số 2070/QĐ-UBND	25/12/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thọ Phong	Xã Thọ Phong
129	Di tích lịch sử Đồi tranh Quang Thạnh	Quyết định số 613/QĐ-UBND	28/4/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thọ Phong	Xã Thọ Phong

130	Di tích lịch sử Chiến khu Vĩnh Sơn	Quyết định số 512/QĐ-UBND	06/4/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia
131	Di tích lịch sử Nhà ông Lê Chương- nơi tổ chức Hội nghị liên tịch các tỉnh Nam Trung Kỳ, giữa tháng 7 năm 1945	Quyết định số 513/QĐ-UBND	06/4/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
132	Di tích lịch sử Địa điểm Vĩnh Tuy, nơi đặt xưởng quân giới Từ Nhại	Quyết định số 514/QĐ-UBND	06/4/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia
133	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Chánh	Quyết định số 511/QĐ-UBND	05/4/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
134	Di tích lịch sử Chiến thắng Đỉnh cao – 62 Đông Giáp	Quyết định số 626/QĐ-UBND	13/5/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
135	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Tịnh Thọ	Quyết định số 1182/QĐ-UBND	25/8/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thọ Phong	Xã Thọ Phong
136	Di tích lịch sử Đền thờ Tiểu đoàn 406 – Đặc công Quân khu V	Quyết định số 1246/QĐ-UBND	13/9/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trường Giang	Xã Trường Giang
137	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Hà Tây	Quyết định số 1669/QĐ-UBND	05/12/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
138	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Hòa Tây	Quyết định số 1668/QĐ-UBND	05/12/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
139	Di tích lịch sử Cây Trâm núi Tròn	Quyết định số 1670/QĐ-UBND	05/12/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
140	Di tích lịch sử Địa điểm treo cờ Đảng trong cuộc biểu tình năm 1930 tại Tịnh Hiệp	Quyết định số 1714/QĐ-UBND	16/11/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia
141	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Đồi Gò Chợ	Quyết định số 1715/QĐ-UBND	16/11/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trường Giang	Xã Trường Giang
142	Danh lam thắng cảnh núi Đá Chồng - hồ Sơn Rái	Quyết định số 1961/QĐ-UBND	27/12/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Gia	Xã Ba Gia

143	Di tích lịch sử Mộ và đền thờ tiền hiền Võ Văn Đương	Quyết định số 74/QĐ-CT	14/1/2005	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
144	Di tích lịch sử Đình Nghĩa An	Quyết định số 2185/QĐ-UBND	27/12/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
145	Di tích lịch sử Đình La Hà	Quyết định số 169/QĐ-UBND	25/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
146	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Trần Kiên	Quyết định số 167/QĐ-UBND	25/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
147	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Thôn 2 - Nghĩa Lâm	Quyết định số 908/QĐ-UBND	25/6/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
148	Di tích lịch sử Khu Lưu niệm nhà thơ Bích Khê	Quyết định số 1437/QĐ-UBND	16/9/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
149	Di tích lịch sử Bồn Dũng sĩ Nghĩa Hiệp	Quyết định số 917/QĐ-UBND	13/7/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vệ Giang	Xã Vệ Giang
150	Di tích lịch sử Đình Điền Trang	Quyết định số 1860/QĐ-UBND	13/12/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
151	Di tích lịch sử Chiến thắng Xuân Phổ	Quyết định số 1615/QĐ-UBND	20/12/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
152	Di tích lịch sử Đình Lâm Sơn	Quyết định số 791/QĐ-CT	23/4/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang
153	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Lê Văn Nờm	Quyết định số 432/QĐ-CT		Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
154	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Phú Thọ	Quyết định số 792/QĐ-CT	23/4/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thiện Tín	Xã Thiện Tín
155	Di tích lịch sử Chiến thắng Hành Thịnh	Quyết định số 2347/QĐ-UB	08/3/2004	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
156	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Lê Khiết	Quyết định số 458/QĐ-UBND	29/3/2012	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
157	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Võ Duy Ninh	Quyết định số 236 /QĐ-UBND	8/02/2013	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành

158	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Lương Công Nghĩa	Quyết định số 1091/QĐ-UBND	05/8/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
159	Di tích lịch sử Trường Trung học Bình dân miền Nam Trung bộ (4 điểm di tích)	Quyết định số 1600/QĐ-UB	08/5/1999	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Đình Cương, Thiện Tín, Nghĩa Hành, Phước Giang	Các xã: Đình Cương, Thiện Tín, Nghĩa Hành, Phước Giang
160	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Công Phương	Quyết định số 1030/QĐ-UBND	27/6/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
161	Di tích lịch sử Vụ Thảm sát đập Cây gạo	Quyết định số 1739/QĐ-UBND	18/11/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
162	Di tích lịch sử Nhà thờ Trần Công Tá	Quyết định số 1740/QĐ-UBND	18/11/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
163	Di tích lịch sử Xưởng 240	Quyết định số 1741/QĐ-UBND	18/11/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thiện Tín	Xã Thiện Tín
164	Di tích lịch sử Cuộc biểu tình Nghĩa Lũng- Kỳ Thọ	Quyết định số 1742/QĐ-UBND	18/11/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
165	Di tích lịch sử Địa đạo Hiệp Phổ Nam	Quyết định số 1085/QĐ-UBND	31/7/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
166	Di tích lịch sử Nhà thờ Phạm Quang Ảnh	Quyết định số 109/QĐ-UBND	19/01/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
167	Di tích lịch sử Đền thờ Thiên Y-A-NA	Quyết định số 113/QĐ-UBND	19/01/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
168	Di tích kiến trúc Dinh Tam Tòa	Quyết định số 110/QĐ-UBND	19/01/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
169	Di tích lịch sử Lân Chánh	Quyết định số 112/QĐ-UB	19/01/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
170	Di tích lịch sử Mộ và Đền thờ Võ Văn Kiệt	Quyết định số 111/QĐ-UBND	19/01/2006	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn

171	Di tích kiến trúc Lân Vĩnh Lộc	Quyết định số 1405/QĐ-UBND	26/9/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
172	Di tích lịch sử Dinh Bà Thiên Y-a-Na	Quyết định số 1406/QĐ-UBND	26/9/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
173	Di tích lịch sử Nhà Pha	Quyết định số 1911/QĐ-UBND	28/11/2014	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
174	Di tích lịch sử Nhà thờ tộc Võ (Văn)	Quyết định số 587/QĐ-UBND	27/4/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
175	Di tích kiến trúc nghệ thuật Dinh Bà Chúa Yàng	Quyết định số 715/QĐ-UBND	18/5/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
176	Di tích kiến trúc nghệ thuật Lăng Tân	Quyết định số 746/QĐ-UBND	20/5/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
177	Di tích kiến trúc nghệ thuật Dinh Đụn	Quyết định số 745/QĐ-UBND	20/5/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
178	Di tích kiến trúc nghệ thuật Dinh Bà Thủy Long	Quyết định số 1024/QĐ-UBND	24/6/2015	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
179	Di tích lịch sử Giếng Xó La	Quyết định số 1601/QĐ-UBND	29/8/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
180	Di tích lịch sử Lân Vĩnh Hoà	Quyết định số 1600/QĐ-UBND	29/8/2017	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
181	Danh lam thắng cảnh Đảo bé (Bãi Hang, Hòn Đụn, Mom tàu)	Quyết định số 1761/QĐ-UBND	18/10/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
182	Di tích khảo cổ học Xóm Ốc	Quyết định số 581/QĐ- UBND	26/4/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
183	Di tích khảo cổ học Suối Chình	Quyết định số 580/QĐ- UBND	26/4/2019	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
184	Danh lam thắng cảnh Thác Trắng	Quyết định số 158/QĐ-UBND	22/01/2007	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Minh Long	Xã Minh Long
185	Di tích lịch sử Chiến thắng Minh Long	Quyết định số 1187/QĐ-UBND	26/7/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Minh Long	Xã Minh Long

186	Di tích lịch sử Căn cứ cách mạng núi Mù	Quyết định số 1188/QĐ-UBND	26/7/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Minh Long	Xã Minh Long
187	Di tích lịch sử Địa điểm thành lập đơn vị 299 – một trong ba đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ tại Gội Lác	Quyết định số 287/QĐ-UBND	03/02/2023	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Minh Long	Xã Minh Long
188	Di tích lịch sử Nhà lưu niệm đồng chí Trần Toại	Quyết định số 168/QĐ-UBND	25/01/2018	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Động	Xã Ba Động
189	Di tích lịch sử Chiến thắng Đá Bàn	Quyết định số 170/QĐ-UBND		Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Tơ	Xã Ba Tơ
190	Di tích lịch sử Chiến thắng Giá Vực	Quyết định số 22/QĐ-UBND	11/01/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Vì	Xã Ba Vì
191	Di tích lịch sử Chiến thắng Nước Lầy	Quyết định số 23/QĐ-UBND	11/01/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Vì	Xã Ba Vì
192	Danh lam thắng cảnh Thác Cao Muôn	Quyết định số 1455/QĐ-UBND	25/10/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Vinh	Xã Ba Vinh
193	Di tích lịch sử Chiến thắng Trà Nô	Quyết định số 1454/QĐ-UBND	25/10/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Tô	Xã Ba Tô

IV. DI TÍCH TRONG DANH MỤC ĐÃ ĐƯỢC KIỂM KÊ

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
1	Di tích lịch sử Sự kiện trường Kim Thông (nay là trường Nguyễn Nghiêm)	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
2	Di tích lịch sử Sở Thương Chánh	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
3	Di tích lịch sử Chiến thắng Nghĩa An	Quyết định số 1039/QĐ-UB	14/5/1996	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
4	Danh lam thắng cảnh Núi Bút	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
5	Di tích lịch sử Chùa Hội Phước	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
6	Di tích lịch sử Chùa Tinh Hội	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
7	Danh lam thắng cảnh Núi Giăng và miếu Linh Sơn	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
8	Di tích lịch sử Nhà thờ Phạm Viết - nơi thành lập và làm việc của Huyện ủy lâm thời đầu tiên Đảng bộ huyện Sơn Tịnh	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
9	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Trương Quang Trọng	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
10	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Lê Trung Đình	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
11	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Trương Đăng Quế	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
12	Di tích lịch sử Địa đạo núi An Vĩnh	Quyết định số 09/QĐ-UB	3/1/1996	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
13	Danh lam thắng cảnh Bãi biển Mỹ Khê	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
14	Danh lam thắng cảnh Thạch Ky Điều Tàu	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
15	Di tích lịch sử Di chỉ tháp Gò Phổ	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
16	Di tích lịch sử Âm linh tự	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
17	Di tích lịch sử Mộ cụ Nguyễn Duy Cung	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
18	Di tích lịch sử Miếu Tư Văn	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Cẩm Thành	Phường Cẩm Thành
19	Di tích lịch sử Đình Hưng Nhơn	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
20	Di tích lịch sử Đình Ông Quang Chiêu (Mai Đình Đông)	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
21	Di tích lịch sử Mộ cụ Nguyễn Thụy	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú
22	Di tích lịch sử Đình Làng Hồ Tiểu	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã An Phú	Xã An Phú

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
23	Di tích lịch sử Dinh Bà Long Đầu	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng
24	Di tích lịch sử Mộ bà Lê Thị Thuởng (vợ của Anh hùng Trương Định)	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
25	Di tích lịch sử Nhà thờ Anh hùng lực lượng VTND Võ Bẩm	Quyết định số 253/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê
26	Di tích lịch sử Chiến khu Đồng Lớn chùa Hang	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Chương	Xã Bình Chương
27	Di tích lịch sử Chiến thắng Truong Ba Gò	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
28	Danh lam thắng cảnh Núi - chùa Thịnh Thịnh	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
29	Danh lam thắng cảnh Hòn Ông, Hòn Bà	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
30	Danh lam thắng cảnh An Hải Sa Bàn	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
31	Danh lam thắng cảnh Ba Làng An	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
32	Di tích lịch sử Lăng vạ Hải Ninh	Quyết định số 106/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
33	Di tích lịch sử Đình Vĩnh An	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
34	Danh lam thắng cảnh Rừng dừa nước Cà Ninh	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
35	Di tích lịch sử Đình An Diêm	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Chương	Xã Bình Chương
36	Danh lam thắng cảnh Bãi biển Lệ Thủy	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
37	Di tích lịch sử Lăng Vạn Tuyết Diêm	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
38	Di tích lịch sử Lăng Vạn Tân Thạnh	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
39	Di tích lịch sử Lăng Cá Ông	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
40	Di tích lịch sử Lăng Vạn Quang Minh	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
41	Danh lam thắng cảnh Hòn Nhàn	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
42	Di tích lịch sử Lăng vạn Vững Tàu	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
43	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Bình Phước	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
44	Di tích lịch sử Nhà thờ họ Trần – nơi sinh ra và lớn lên của nhà thơ Tế Hanh	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
45	Di tích lịch sử Địa điểm thành lập chi bộ Đảng đầu tiên huyện Bình Sơn	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh
46	Di tích lịch sử Địa điểm tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ I tháng 8/1946 của huyện Bình Sơn (tại nhà ông Phạm Chuân)	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Chương	Xã Bình Chương
47	Di tích lịch sử Địa điểm vua Lê Thánh Tông dừng chân tại Vạn Tường	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
48	Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Đoàn Khắc Nhượng	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn
49	Danh lam thắng cảnh Vực Bà	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh
50	Danh lam thắng cảnh Thắng cảnh Khe Hai	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn
51	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ cụ Tú Đàm Thanh	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
52	Di tích lịch sử Lăng vạ Bình Đông	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
53	Di tích lịch sử Di tích Giếng Vương	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
54	Di tích lịch sử Địa đạo Hóc Mua	Quyết định số 06/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vạn Tường	Xã Vạn Tường
55	Di tích lịch sử Mộ và nhà thờ Nguyễn Tăng Long	Quyết định số 3947/QĐ-UB	31/12/1996	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thọ Phong	Xã Thọ Phong
56	Di tích lịch sử Cấm Nghè Tộ	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vệ Giang	Xã Vệ Giang
57	Di tích lịch sử Căn cứ Hòn Ngang	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
58	Di tích lịch sử Hố Hầm	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
59	Danh lam thắng cảnh La Hà Thạch Trận	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
60	Danh lam thắng cảnh Núi Bà Chú	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vệ Giang	Xã Vệ Giang
61	Danh lam thắng cảnh Suối Mơ	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
62	Di tích lịch sử Chùa Tịnh Nghiêm Ni Viện	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
63	Di tích lịch sử Chùa Quang Lộc	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
64	Di tích lịch sử Phế tích tháp An Tập	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
65	Di tích lịch sử Thành Bàn Cờ	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
66	Di tích lịch sử Dinh Bà	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
67	Di tích lịch sử Miếu Bàu Vừng	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
68	Di tích lịch sử Đình làng Xuân Phổ	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
69	Di tích lịch sử Miếu Bà An Tập	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
70	Di tích lịch sử Miếu Thần Nông	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
71	Di tích lịch sử Dinh Bà Bình An	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Giang	Xã Nghĩa Giang
72	Di tích lịch sử Nghĩa từ An Bằng	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vệ Giang	Xã Vệ Giang
73	Di tích lịch sử Đình làng Đồng Viên	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Vệ Giang	Xã Vệ Giang
74	Di tích lịch sử Đình làng La Châu	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
75	Di tích lịch sử Đình An Hà	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
76	Di tích lịch sử Đình làng Vạn An	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
77	Di tích lịch sử Núi Đá Bàn, nơi đứng chân của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Huyện ủy Tư Nghĩa và Bệnh xá B21 của Tỉnh đội Quảng Ngãi.	Quyết định số 03/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Giang	Xã Trà Giang
78	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Bàn Thạch	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
79	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Thanh Sơn	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
80	Di tích lịch sử Chiến thắng Phổ An	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
81	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Tập An Nam	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
82	Di tích lịch sử Vụ thảm sát Vĩnh Bình	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
83	Di tích lịch sử Chiến thắng Cầu Giác-vùng 4	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
84	Di tích lịch sử Vụ thảm sát cuộc biểu tình Trà Câu	Quyết định số 682/QĐ-UB	09/6/1995	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
85	Di tích lịch sử Đền thờ và mộ Trần Ngọc Trác	Quyết định số 1889/QĐ-UB	23/11/1995	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
86	Di tích lịch sử Bia Ký Châm	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
87	Di tích lịch sử Nhà thờ Huỳnh Đăng Khoa	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
88	Di tích lịch sử Dinh Ông, Dinh Bà	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
89	Danh lam thắng cảnh Biển Châu Me – Hang Ến Vĩnh Tuy	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
90	Di tích lịch sử Dinh thờ Nữ Thần Thiên Y A NA (Dinh Bà, Thạch By)	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
91	Di tích lịch sử Cụ Tộc Lăng (Lăng ông Thạch By)	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
92	Di tích lịch sử Quần thể giếng Chăm	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
93	Di tích lịch sử Dinh ông Cơ	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
94	Di tích lịch sử Đình Nga Mân	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Khánh Cường	Xã Khánh Cường
95	Di tích lịch sử Nhà thờ Phạm Quy	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
96	Di tích lịch sử Dinh Ông	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
97	Di tích lịch sử Lăng Vạn	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Đức Phổ	Phường Đức Phổ
98	Di tích lịch sử Lăng Ông Hải Nam	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Trà Câu	Phường Trà Câu
99	Danh lam thắng cảnh Thác Đá Giăng	Quyết định số 251/QĐ-UBND	27/02/2024	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Xã Nguyễn Nghiêm
100	Di tích lịch sử Đồn Mỹ	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Bồng	Xã Trà Bồng
101	Danh lam thắng cảnh Thác Cà Đú	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Bồng	Xã Trà Bồng
102	Di tích lịch sử Lăng thờ Bạch Hổ	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Trà Bồng	Xã Trà Bồng
103	Di tích lịch sử Miếu An Nhơn	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Trà Bồng	Xã Đông Trà Bồng

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
104	Di tích lịch sử Miếu Đình Cháy	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Trà Bồng	Xã Đông Trà Bồng
105	Di tích lịch sử Miếu Phú Thứ	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Trà Bồng	Xã Đông Trà Bồng
106	Danh lam thắng cảnh Suối Chè	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thanh Bồng	Xã Thanh Bồng
107	Danh lam thắng cảnh Thác Trà Bói	Quyết định số 04/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đông Trà Bồng	Xã Đông Trà Bồng
108	Di tích lịch sử Đám ruộng khay	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ
109	Di tích lịch sử Chiến thắng Tà Mực	05/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây
110	Danh lam thắng cảnh Suối Huy Măng	05/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tây	Xã Sơn Tây
111	Danh lam thắng cảnh Thác Nước Trinh	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Tơ	Xã Ba Tơ
112	Di tích lịch sử Suối Loa	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Động	Xã Ba Động
113	Di tích lịch sử Chiến Khu Cao Muôn	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Vinh	Xã Ba Vinh

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
114	Di tích lịch sử Trạm xá CK200 Quân khu 5	Quyết định số 07/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Dinh	Xã Ba Dinh
115	Danh lam thắng cảnh Hồ Tôn Dung	Quyết định số 07/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Tơ	Xã Ba Tơ
116	Danh lam thắng cảnh Thác LũngỒ	Quyết định số 07/QĐ-UBND	03/01/2025	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ba Động	Xã Ba Động
117	Di tích lịch sử Đền thờ Cá Ông	Quyết định số 1881/QĐ-UB	25/10/1993	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
118	Di tích lịch sử Căn cứ H5	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ngọc Réo	Xã Ngọc Réo
119	Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Rông làng Kon Rôn	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ngọc Réo	Xã Ngọc Réo
120	Di tích lịch sử Đập Mùa Xuân (Đập Đăk Uy)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đăk Ui	Xã Đăk Ui
121	Di tích lịch sử Căn cứ Mặt Trận B3	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai
122	Di tích lịch sử Chứng tích Thảm sát làng Noh	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai
123	Di tích lịch sử Khu di tích Ya Bok	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
124	Di tích khảo cổ Di chỉ KCH Lung Leng	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình
125	Di tích lịch sử Điểm cao 875 – Chiến dịch Đắk Tô 01 (1967)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sa Loong	Xã Sa Loong
126	Di tích lịch sử Chứng tích thăm sát làng Chênh Chéch	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bờ Y	Xã Bờ Y
127	Di tích lịch sử Cột mốc 3 biên giới	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bờ Y	Xã Bờ Y
128	Di tích lịch sử Đền Tưởng niệm đường Trường Sơn	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bờ Y	Xã Bờ Y
129	Di tích lịch sử Hệ thống đường Trường Sơn	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Ia Toi, Ia Đal	Các xã: Ia Toi, Ia Đal
130	Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến Đắk Xao	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đắk Sao	Xã Đắk Sao
131	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Núi Ngok Ang (Eng)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Măng Ri	Xã Măng Ri
132	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Núi Ngok Pâng	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Đắk Sao, Măng Ri	Các xã: Đắk Sao, Măng Ri
133	Di tích lịch sử Căn cứ Mùong Hoong – Ngok Linh	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
134	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể Núi Peng Hiu, Peng Ôi (Núi Cơm)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đăk Plô	Xã Đăk Plô
135	Di tích lịch sử Căn cứ Ôp Pờ kẩn	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đăk Long	xã Đăk Long
136	Di tích lịch sử Phế tích Nền nhà	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Xốp	Xã Xốp
137	Di tích lịch sử Cung đường 14 (Đăk Pao – Đăk Pék)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã: Dục Nông, Đăk Môn	Các xã: Dục Nông, Đăk Môn
138	Di tích lịch sử Trại giam Đăk Tô (Cảng An trí Đăk Tô)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Kon Đào	Xã Kon Đào
139	Di tích lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum (1954-1960)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Kon Plông	Xã Kon Plông
140	Di tích lịch sử Địa điểm Đại Hội các dân tộc tỉnh Kon Tum năm 1961	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Kon Plông	Xã Kon Plông
141	Di tích lịch sử Nhà thờ Tân Hương	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
142	Di tích lịch sử Nhà thờ Chánh tòa Kon Tum	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
143	Di tích lịch sử Chủng viện Thừa sai Kon Tum	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
144	Di tích lịch sử Am Bà (Điện Thánh Mẫu)	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
145	Di tích lịch sử Đình Lương Khê	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
146	Di tích lịch sử Hội Thanh Minh Nghĩa Tự	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
147	Di tích lịch sử Thánh Thất Cao Đài	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
148	Di tích lịch sử Chùa Hồng Từ	Quyết định số 86/QĐ-UBND	18/02/2020	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND phường Kon Tum	Phường Kon Tum
149	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ và nhà thờ Nguyễn Đăng Quang	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
150	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Bà Thiết Trường	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mộ Đức	Xã Mộ Đức
151	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ Phạm Tuân	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
152	Di tích lịch sử - văn hóa Hố Chình	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
153	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ và Nhà thờ Trần Tu	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
154	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Ông	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
155	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Bà	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang
156	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ chí sĩ yêu nước Đoàn Chí	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang
157	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ Chí sĩ yêu nước Nguyễn Bá Loan	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Phước Giang	Xã Phước Giang
158	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Nguyễn Văn - Bồ Đề (Tên gọi khác: Miếu bà Diệm, Miếu Bà Ngôn)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
159	Di tích lịch sử - văn hóa Già lam tự (Tên gọi khác: Chùa Ông)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
160	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ và nhà thờ Phạm Bá (Tên gọi khác: Tổ đường Tiên hiền Phạm Bá)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
161	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ họ Nguyễn (Tên gọi khác: Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Bá Nghi))	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
162	Di tích lịch sử - văn hóa Miếu Âm Hồn (Tên gọi khác: Chùa Âm Hồn)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
163	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh ông Trần (Tên gọi khác: Miếu	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
	Thành Hoàng)					
164	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ họ Nguyễn (Năng An) (Tên gọi khác: Nguyễn Tổ đường)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
165	Di tích lịch sử - văn hóa Đình Lạc Phố - Vinh Phú	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
166	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Đỗ Đăng (Tên gọi khác: Nhà thờ Đốc Đăng)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
167	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Phạm Công Bình (Tên gọi khác: Nhà thờ Phạm Bá: Thi tổ Phạm Công Bình	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
168	Di tích lịch sử - văn hóa Miếu bà An Tĩnh (Tên gọi khác: Miếu bà Ngũ Hành)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
169	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Nguyễn Hữu (Tên gọi khác: Tự đường Nguyễn Hữu)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Long Phụng	Xã Long Phụng
170	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ và mộ Nguyễn Tăng Long	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Thọ Phong	Xã Thọ Phong
171	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà Thờ Tiên hiền Tộc Nguyễn - Văn Bản	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Mỏ Cày	Xã Mỏ Cày

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
172	Di tích hỗn hợp Cắm Đá Bạc (đá bạc xứ)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lâm Phong	Xã Lâm Phong
173	Di tích lịch sử - văn hóa Lũy Tân An	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Lâm Phong	Xã Lâm Phong
174	Di tích lịch sử - văn hóa Đình Phú Vinh	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
175	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Lê Trung Đình	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
176	Di tích lịch sử - văn hóa Nhà thờ Trần Văn An	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
177	Di tích lịch sử - văn hóa Từ đường Nguyễn Mậu	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Đình Cương	Xã Đình Cương
178	Di tích Kiến trúc nghệ thuật Đền thờ Cá Ông (Lăng Đông Hải)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
179	Di tích lịch sử - văn hóa Lăng Cồn Trong	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
180	Di tích lịch sử - văn hóa Lăng Cồn Ngoài	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
181	Di tích lịch sử - văn hóa Lăng Thứ	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
182	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Âm Hồn	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
183	Di tích lịch sử - văn hóa Lân Trung Chính	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
184	Di tích lịch sử - văn hóa Lân Thuận An	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
185	Di tích lịch sử - văn hóa Lân Lý Nhân (Miếu Tiểu Thơ)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
186	Di tích lịch sử - văn hóa Lân Đông Thạnh (Miếu Mương)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
187	Di tích lịch sử - văn hóa Miếu Thần Nông	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
188	Di tích lịch sử - văn hóa	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
189	Di tích lịch sử - văn hóa Lân An Hòa (ghe Ròng)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
190	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Ông (gần Dinh Bà)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
191	Di tích lịch sử - văn hóa Lân Vĩnh Xuân 01 (Dinh Bà Giàng)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
192	Di tích lịch sử - văn hóa Miếu Hội Đồng (Rừng Cò)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
193	Di tích lịch sử - văn hóa Lăng An Hộ	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn

STT	Tên di tích	Văn bản của cấp có thẩm quyền công bố Danh mục kiểm kê di tích			Đơn vị trực tiếp quản lý di tích	Địa điểm của di tích
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm	Thẩm quyền ban hành văn bản		
194	Di tích lịch sử - văn hóa Vạn An Phú (An Hải)	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
195	Di tích lịch sử - văn hóa Dinh Bà Roi	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
196	Di tích danh lam thắng cảnh Núi Hòn Vung	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
197	Di tích lịch sử - văn hóa Lăng Vĩnh An	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND đặc khu Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
198	Di tích lịch sử - văn hóa Mộ ông Mai Thối	Quyết định số 382/QĐ-UBND	02/02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người;
khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người
và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số
25/2023/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15;

*Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh
quốc gia số 32/2007/PL-UBTVQH11;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số biện
pháp bảo đảm trật tự công cộng;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng
liên quan đến an ninh quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định các mục
tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã
hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và
trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ quy
định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ
thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang
canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan;*

*Căn cứ Nghị định số 213/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Quản lý, bảo vệ công trình Quốc phòng và Khu Quân sự;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2005/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an
hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18
tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự
công cộng;*

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 28/2022/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BCA ngày 23 tháng 6 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 1554/TTr-CAT-TM(ANND) ngày 19/3/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 54/BC-STP ngày 13/02/2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2026.
2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người, cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định khu vực bảo vệ và việc đặt biển báo tại khu vực bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Hoàng Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của Ủy ban nhân dân Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quy định mẫu biển báo và đặt biển báo tại khu vực bảo vệ; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các nội dung liên quan đến khoản 1 Điều này không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân người Việt Nam cư trú hoặc có hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tổ chức, cá nhân người nước ngoài cư trú hoặc có hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khu vực bảo vệ là khu vực có giới hạn nhất định, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; khu vực đang xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc đang diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng do lực lượng Công an, Quân đội và các lực lượng bảo vệ có trách nhiệm quản lý, kiểm soát hoạt động của người, phương tiện nhằm duy trì an ninh, trật tự; phòng, chống các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Khu vực cấm tập trung đông người là khu vực không được tập trung từ 05 người trở lên nhằm mục đích đưa ra yêu cầu hoặc kiến nghị về những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, gia đình, tổ chức hoặc nhằm đưa ra những yêu cầu, kiến nghị về những vấn đề có liên quan chung đến

đời sống chính trị - xã hội, đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Khu vực bảo vệ

1. Trụ sở các cơ quan:
 - a) Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
 - b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi;
 - c) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
 - d) Kho bạc Nhà nước khu vực XV trụ sở tại tỉnh Quảng Ngãi;
 - đ) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 9 trụ sở tại tỉnh Quảng Ngãi;
 - e) Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
 - g) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; trụ sở doanh trại Quân đội, công trình quốc phòng, các Đồn, Trạm Biên phòng, khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh;
 - h) Công an tỉnh; các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh;
 - i) Trụ sở các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh;
 - k) Kho Dữ trữ Quốc gia; công trình quan trọng liên quan an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Phạm vi khu vực bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này là toàn bộ khuôn viên trụ sở các cơ quan; khu vực phía trước lối ra vào, vỉa hè, lòng đường, lề đường tiếp giáp trụ sở các cơ quan.

Điều 5. Khu vực cấm tập trung đông người

1. Khu vực cấm tập trung đông người bao gồm khu vực khuôn viên, khu vực tiếp giáp và vành đai an toàn các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.
2. Các khu vực khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi xét thấy cần thiết.
3. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các hoạt động, khu vực do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bố trí tiếp công dân theo quy định.

Điều 6. Khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh

1. Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh tại các khu vực sau:
 - a) Khu vực chứa bí mật nhà nước; khu vực được quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Quy định này.

b) Khu vực đang xảy ra các vụ việc phức tạp có ảnh hưởng đến tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác yêu cầu giữ bí mật cần phải cấm những người không có trách nhiệm tự ý ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

2. Thẩm quyền xác định khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác định khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh thuộc trụ sở, phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị mình.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh đối với khu vực, mục tiêu trọng điểm về an ninh quốc gia và khu vực công cộng có phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan nhiều đơn vị, địa phương.

c) Giám đốc Công an tỉnh có thẩm quyền xác định khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh đối với các trường hợp đột xuất, phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao (trừ các khu vực quy định tại điểm d khoản này) và các khu vực công cộng trên địa bàn tỉnh.

d) Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có thẩm quyền xác định khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh đối với các khu vực quốc phòng, biên giới theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Tại các khu vực bảo vệ được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, các tổ chức, cá nhân chỉ được phép ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trong trường hợp được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp phục vụ công tác đấu tranh, xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cho phép chủ thể là cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý được ghi âm, ghi hình, chụp ảnh tại các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Dữ liệu ghi âm, ghi hình, chụp ảnh tại các khu vực được quy định tại khoản 1 Điều này phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; nghiêm cấm việc tự tán phát, cung cấp dữ liệu, tài liệu khi chưa được phép của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng và tổ chức thực hiện biện pháp phân luồng giao thông, tạm thời cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông ra vào các khu vực trên địa bàn tỉnh trong các trường hợp:

a) Khu vực diễn ra các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, tỉnh tổ chức xét thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng.

b) Khi có đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại tỉnh.

c) Khu vực thảm họa do thiên nhiên, con người, có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô lớn, đe dọa nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân.

d) Khu vực đang xảy ra vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Giám đốc Công an tỉnh quyết định áp dụng và tổ chức thực hiện biện pháp phân luồng giao thông, tạm thời cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông ra vào khu vực cụ thể khi đang xảy ra vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội hoặc khi có tình huống khẩn cấp cần áp dụng ngay để bảo đảm an ninh, trật tự.

3. Sau khi hết yêu cầu bảo đảm trật tự công cộng, quyết định cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông quy định tại Điều này hết hiệu lực thi hành.

Điều 8. Biển báo khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh

1. Các khu vực được xác định là khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh phải được đặt biển báo.

2. Đặt biển báo

a) Biển báo “Khu vực bảo vệ” đặt cố định tại các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Biển báo “Cấm tập trung đông người” được đặt cố định hoặc tạm thời tại các khu vực quy định tại Điều 5 Quy định này.

c) Biển báo “Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh” được đặt cố định hoặc tạm thời tại các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

d) Vị trí đặt biển báo do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh quyết định. Biển báo phải đặt ở vị trí phù hợp, không bị che khuất tầm nhìn và không gây cản trở giao thông.

3. Hiệu lực biển báo do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý quyết định, tùy thuộc vào phạm vi của khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

4. Mẫu biển báo khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh thực hiện theo phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân

1. Công an tỉnh

a) Căn cứ Quy định này và quy định của pháp luật hiện hành hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định cụ thể vị trí đặt biển báo cố định, tạm thời; mẫu

biển báo “Khu vực bảo vệ”; “Cấm tập trung đông người”; “Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh” và áp dụng các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, thực hiện công tác bảo vệ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra tại khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các sở, ban ngành, cơ quan có liên quan tổ chức đặt biển báo theo Quyết định này đảm bảo quy định pháp luật hiện hành và xây dựng nội quy niêm yết công khai tại các địa điểm, khu vực đã được xác định.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện Quyết định này trong lực lượng Quân sự tại địa phương; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Chủ động phát hiện, ngăn chặn xử lý hành vi vi phạm pháp luật xảy ra ở khu vực biên giới đúng theo quy định pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý trụ sở quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức đặt biển báo khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh theo quy định tại Điều 8 Quy định này;

b) Xây dựng nội quy cụ thể của cơ quan, đơn vị và niêm yết trước cổng trụ sở của cơ quan, đơn vị; có lực lượng bảo vệ chuyên trách đảm bảo việc thực hiện nội quy trong phạm vi do cơ quan, đơn vị quản lý đồng thời giải quyết những hành vi vi phạm nội quy theo quy định;

c) Kịp thời thông báo, trao đổi thông tin với Công an tỉnh và cơ quan có liên quan khi có vụ việc xảy ra để chủ động phối hợp xử lý các tình huống có thể gây mất an ninh, trật tự tại khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

4. Sở Tài chính phối hợp Công an tỉnh tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân biết, thực hiện.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 2 Quy định này có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc. Tất cả các hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

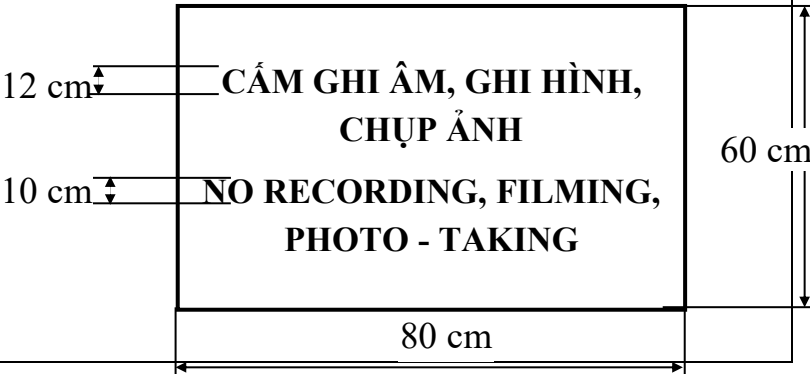
3. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Công an tỉnh để tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
MẪU BIỂN BÁO “KHU VỰC BẢO VỆ”; “CẤM TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI”;
“CẤM GHI ÂM, GHI HÌNH, CHỤP ẢNH”

(Ban hành kèm theo Quy định Khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; khu vực cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; khu vực cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)

STT	TÊN BIỂN BÁO	MÔ TẢ	MẪU BIỂN
1.	Khu vực bảo vệ	Hình chữ nhật nằm ngang, có kích thước 80 cm x 60 cm, được in bằng vật liệu bền vững; chữ viết màu đen trên nền biển màu trắng; in hoa, kiểu chữ đứng, đậm; cụm từ “ KHU VỰC BẢO VỆ ” được viết bằng tiếng Việt ở một dòng trên, chiều cao hàng chữ là 12 cm và tiếng Anh “ PROTECTED AREA ” ở một dòng dưới, chiều cao hàng chữ là 10 cm.	
2.	Cấm tập trung đông người	Hình chữ nhật nằm ngang, có kích thước 80 cm x 60 cm, được in bằng vật liệu bền vững; chữ viết màu đen trên nền biển màu trắng; in hoa, kiểu chữ đứng, đậm; cụm từ “ CẤM TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI ” được viết bằng tiếng Việt ở hai dòng trên, chiều cao hàng chữ là 12 cm và tiếng Anh “ NO GATHERING ” ở một dòng dưới, chiều cao hàng chữ là 10 cm.	

2

3.	Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh	Hình chữ nhật nằm ngang, có kích thước 80 cm x 60 cm, được in bằng vật liệu bền vững; chữ viết màu đen trên nền biển màu trắng; in hoa, kiểu chữ đứng, đậm; cụm từ “ CẤM GHI ÂM, GHI HÌNH, CHỤP ẢNH ” được viết bằng tiếng Việt ở hai dòng trên, chiều cao hàng chữ là 12 cm và tiếng Anh “ NO RECORDING, FILMING, PHOTO - TAKING ” ở hai dòng dưới, chiều cao hàng chữ là 10 cm.	 Diagram illustrating the sign layout and dimensions: - Overall dimensions: 80 cm (width) x 60 cm (height). - Top line (Vietnamese): CẤM GHI ÂM, GHI HÌNH, CHỤP ẢNH (height: 12 cm). - Bottom line (English): NO RECORDING, FILMING, PHOTO - TAKING (height: 10 cm).
----	---	---	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện
chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở
nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết
một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban
hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho
nhà và công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban
hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an
toàn cháy cho nhà và công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban
hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình
hạ tầng kỹ thuật;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 63/TTr-SXD ngày 05 tháng
3 năm 2026 và Công văn số 2334/SXD-QLN ngày 08 tháng 4 năm 2026, ý kiến
thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 57/BC-STP ngày 13 tháng
02 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định điều kiện về đường giao
thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở
nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có liên quan đến xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê.

2. Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê

a) Đường giao thông hiện trạng tiếp giáp vị trí xây dựng nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ để cho thuê phải kết nối đồng bộ, thông suốt với hệ thống giao thông chung của đô thị, khu vực xung quanh; đồng thời chiều rộng thông thủy mặt đường giao thông hiện trạng tiếp giáp khu đất không được nhỏ hơn 3,5 mét, cứ ít nhất 100 mét phải có một đoạn đường mở rộng có chiều dài tối thiểu 08 mét và có chiều rộng thông thủy mặt đường tối thiểu 07 mét để xe chữa cháy và các loại xe khác có thể tránh nhau dễ dàng; liên thông với các tuyến đường khác hoặc phải có nơi quay đầu xe phù hợp với phương tiện chữa cháy đối với đường cụt có chiều dài lớn hơn 46 mét;

b) Đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy có kết cấu chặn phía trên phải đảm bảo tất cả những yêu cầu sau:

- Chiều cao thông thủy để các phương tiện chữa cháy đi qua không được nhỏ hơn 4,5 mét.

- Kích thước của kết cấu chặn phía trên (đo dọc theo chiều dài của đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy) không được lớn hơn 10 mét.

- Nếu có từ hai kết cấu chặn phía trên bắc ngang qua đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy thì khoảng thông giữa những kết cấu này không được nhỏ hơn 20 mét.

- Chiều dài của đoạn cuối của đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy không bị chặn bởi các kết cấu chặn phía trên không được nhỏ hơn 20 mét.

c) Mặt đường phải bảo đảm chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:

a) Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong công tác quản lý xây dựng nhà ở có nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo theo đúng Quyết định này.

b) Kịp thời xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chịu trách nhiệm:

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm quy định tại Quyết định này.

b) Tổ chức tuyên truyền, triển khai, hướng dẫn việc thi hành Quyết định đến các tổ chức và cá nhân trên địa bàn để thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ đã nộp hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ cấp giấy phép xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà cơ quan có thẩm quyền chưa thẩm định, chưa cấp giấy phép thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Công Hoàng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2026/QĐ-CTUBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 43/TTr-STC ngày 28 tháng 3 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 70/BC-STP ngày 09 tháng 3 năm 2026.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (*trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP*) theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP;

c) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm h khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương; đối với cơ quan của Trung ương thì phải là cơ quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (*sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản*).

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa

phương (*trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP*) theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

a) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Thi hành án dân sự cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (*trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này*).

3. Đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm h khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP: Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Sâm